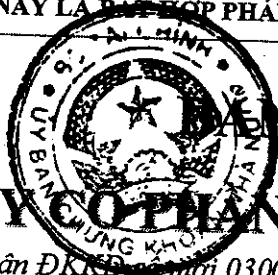


ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số mới 0300381564 (số cũ 4103007511) do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 12/12/2012)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số36...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 8 năm 2013.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày.....tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ : 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa – Q.1 – TP.HCM

Điện thoại: (08) 38299443-38292972

Fax : (08) 38299437

Email : cadivi@cadivi.com.vn

Website : www.cadivi.vn / www.cadivi.com.vn / www.cadivi-vn.com

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT _ CN TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 29-31 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 6290 8686

Fax : (84.8) 62910607

Website: : <http://www.fpts.com.vn>

Người Công bố thông tin

Tên : Nguyễn Lộc

Điện thoại : (84.8) 3829 9443

Chức vụ: Tổng giám đốc

Fax : (84.8) 3829 9437





CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số mới 0300381564 (số cũ 4103007511) do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 12/12/2012)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu CTCP Dây cáp điện Việt Nam
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ
Giá bán	: 15.000 VNĐ
Tổng số lượng chào bán	: 3.840.008 cổ phần
Trong đó:	
<i>Phát hành cho cổ đông hiện hữu</i>	: 3.045.119 cổ phần
<i>Phát hành cho cổ đông chiến lược</i>	: 794.889 cổ phần
Tổng giá trị chào bán	: 38.400.080.000 VNĐ (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3820 5944 – 3820 5947

Fax: (84.8) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn

Website: www.aascs.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.7) 377307070 – 6271 7171 Fax: (84.4) 3773
9058

CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 29-31 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 6290 8686 Fax: (84.8) 62910560



MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	8
4. Rủi ro từ đợt chào bán, của việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	10
5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu	10
6. Rủi ro khác	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	11
1. Tổ chức phát hành.....	11
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn.....	11
III. CÁC KHÁI NIỆM	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	13
1. Tổng quan về Công ty	13
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	14
3. Cơ cấu tổ chức Công ty và bộ máy quản lý	18
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.	24
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	25
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	25
7. Hoạt động kinh doanh	27
8. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến 30/6/2013.....	41
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	42
10. Chính sách đối với người lao động	45
11. Chính sách cổ tức	47
12. Tình hình tài chính.....	47
13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	63
14. Tài sản	75
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	76
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	78
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.	79
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	79
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	79
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	80
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	86
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	87
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	88

X.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	90
X.	PHỤ LỤC.....	91

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 01: Thực trạng tăng trưởng kinh tế thế giới 2012 và dự báo 2013 (%).....	6
Bảng 02: Cơ cấu cổ đông.....	24
Bảng 03: Cơ cấu doanh thu thuần theo các nhóm sản phẩm.....	29
Bảng 04: Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu:.....	31
Bảng 05: Tỷ trọng nguyên vật liệu so với giá thành sản phẩm.....	32
Bảng 06: Cơ cấu chi phí.....	32
Bảng 07: Biến động giá một số nguyên vật liệu chính.....	34
Bảng 08: Giá trị đầu tư dài hạn ghi nhận vào cuối các kỳ.....	37
Bảng 09: Các hợp đồng lớn đang thực hiện.....	40
Bảng 10: Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh.....	41
Bảng 11: Năng lực tài chính của CADIVI so với một số doanh nghiệp trong ngành.....	43
Bảng 12: Vốn điều lệ qua các năm.....	47
Bảng 13: Vốn kinh doanh qua các năm.....	48
Bảng 14: Thời gian khấu hao TSCĐ.....	49
Bảng 15: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.....	50
Bảng 16: Số dư các quỹ.....	50
Bảng 17: Dư nợ vay.....	51
Bảng 18: Các khoản phải thu.....	52
Bảng 19: Số dư các khoản phải thu khách hàng vào ngày 30/06/2013.....	52
Bảng 20: Số dư các khoản trả trước người bán vào ngày 30/06/2013.....	58
Bảng 21: Các khoản phải trả.....	59
Bảng 22: Số dư phải trả người bán đến ngày 30/06/2013.....	60
Bảng 23: Danh sách người mua trả tiền trước đến ngày 30/06/2013.....	61
Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	62
Bảng 25: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	63
Bảng 26: Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	70
Bảng 27: Danh sách Ban tổng giám đốc.....	73
Bảng 28: Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đến ngày 30/06/2013.....	75
Bảng 29: Đất đai và bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty.....	76
Bảng 30: Chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	76
Bảng 31: Một số chỉ tiêu cơ bản của một số doanh nghiệp cùng ngành.....	81



DANH MỤC BIỂU ĐỒ MINH HỌA

Biểu đồ 01: Triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2013 7
Biểu đồ 02: Diễn biến giá đồng, nhôm giai đoạn 1980 – 2012 và dự báo đến năm 2025 8
Biểu đồ 03: Diễn biến tỷ giá VND/USD..... 9
Biểu đồ 04: Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty 18
Biểu đồ 05: Tăng trưởng sản lượng và doanh thu 2000 - 2012 29
Biểu đồ 06: Cơ cấu lợi nhuận gộp..... 30
Biểu đồ 07: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố..... 33
Biểu đồ 08: Sơ đồ quy trình công nghệ tổng quát..... 35
Biểu đồ 09: Thu nhập bình quân qua các năm..... 49

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tổng quan nền kinh tế thế giới trong năm 2012 vẫn được đánh giá là “tụt dốc” và dự báo triển vọng tăng trưởng kinh tế năm 2013 tiếp tục gặp nhiều khó khăn dù đang có dấu hiệu phục hồi chậm ở một số nền kinh tế chủ lực như Mỹ, Nhật...

Bảng 1: Thực trạng tăng trưởng kinh tế thế giới 2012 và dự báo 2013 (%)

Quốc gia/Khu vực	Năm 2012	Dự báo 2013
Toàn cầu	3,3	3,6
Các nước EU	1,3 – 1,4	1,6
Khu vực đồng EURO	-0,3	0,4
Các nước BRICs	5,0 – 5,3	5,5
Các nước đang phát triển	-	5,6
Tăng trưởng tại một số nền kinh tế lớn		
Mỹ	1,5	2,3-3,0
Nhật Bản	2,2	1,0
Trung Quốc	8,0	7,5
Ấn Độ	5,7	6,3

Nguồn: IMF, Các tổ chức tài chính khu vực và báo cáo quốc gia các nước

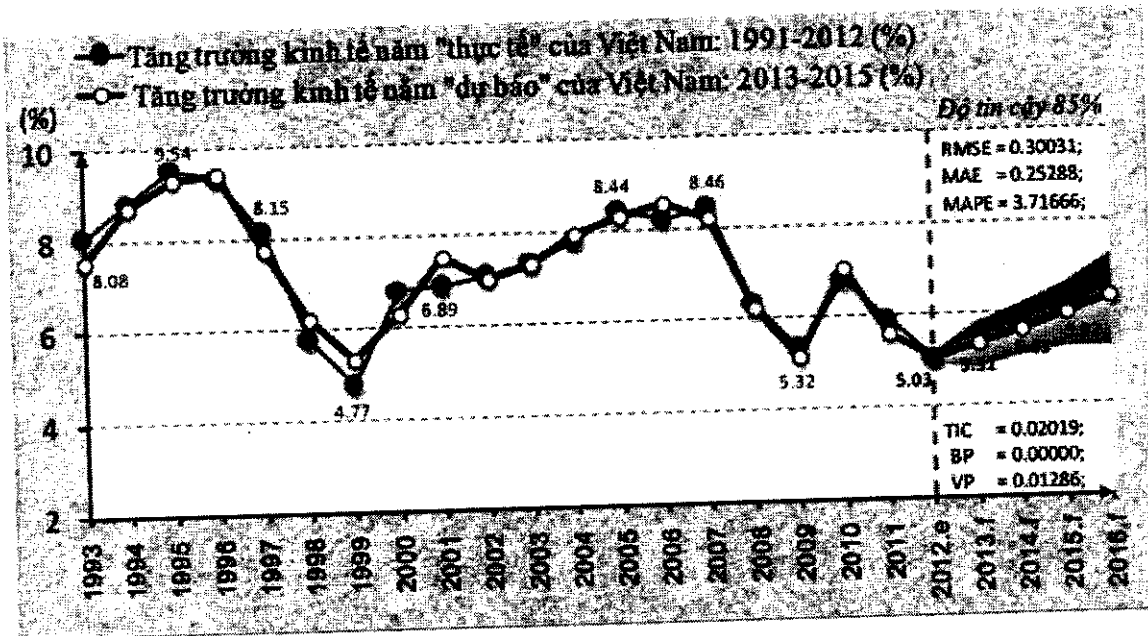
Cũng theo đà suy giảm chung của nền kinh tế thế giới nên nền kinh tế Việt Nam không thực sự khả quan. Tuy nhiên, các số liệu thống kê cho thấy có nhiều mảng màu sáng, tối trong bức tranh kinh tế trong nước năm 2012: Một mặt, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì mức tăng trưởng khá cao so với thế giới (5,03%), kinh tế vĩ mô tuy chưa thực sự vững chắc nhưng vẫn đạt được mức độ ổn định căn bản: lạm phát ở mức thấp: 6,81%, thâm hụt ngân sách/GDP được kiểm soát ở mức 4,8%, tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định... Mặt khác, nền kinh tế vẫn tồn tại nhiều vấn đề bất ổn như nợ xấu vẫn còn ở mức cao, trữ lượng tồn kho Bất động sản và một số ngành sản xuất công nghiệp lớn, sức mua thị trường thấp, lãi suất vẫn còn ở mức cao...

Bối cảnh kinh tế vĩ mô Việt Nam 6 tháng đầu năm 2013 cho thấy nền kinh tế dù vẫn còn những khó khăn nhưng một số mục tiêu ổn định kinh tế đã dần đạt được. Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm ước tăng 4,9%, so với mức tăng 4,76% trong quý. Theo cơ cấu tăng trưởng GDP 06

tháng đầu năm, dịch vụ và công nghiệp chế tạo là 2 lĩnh vực có mức đóng góp vào tăng trưởng ấn tượng nhất.

Nhìn chung, triển vọng nền kinh tế Việt Nam theo nhiều dự báo của các tổ chức uy tín như Ngân hàng thế giới hay Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (theo biểu đồ dưới đây) đều cho thấy vẫn tiếp tục diễn biến theo chiều hướng khả quan dù tốc độ vẫn còn chậm:

Biểu đồ 01: Triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2013



Nguồn: Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nòng cốt của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hoạt động SXKD của CADIVI có mối gắn kết chặt chẽ với những biến động của nền kinh tế. Với những dấu hiệu tích cực nói trên, kết quả hoạt động của CADIVI trong năm 2013 hứa hẹn sẽ gặp ít nhiều thuận lợi.

2. Rủi ro về luật pháp

Là Công ty được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, mọi hoạt động của Công ty sẽ chịu sự chi phối của Luật Doanh Nghiệp, Luật chứng khoán và một số bộ luật khác có liên quan như Luật đầu tư, Luật thuế thu nhập,...Hiện, khung pháp lý đang có nhiều thay đổi để hoàn thiện, chuẩn hóa để giám sát hoạt động của các doanh nghiệp, do đó, bất cứ thay đổi nào của hệ thống pháp lý đều tác động đến quá trình quản trị hoạt động, điều hành sản xuất của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn bị ràng buộc bởi pháp luật trong ngành liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật như Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thông tư 22/2011/TT-BKHCN quy định về việc quản lý chất lượng đối với dây và cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và

bằng 450/750V; Thông tư 21/2009/TT-BKHCN về việc ban hành và thực hiện “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử”...Tuy nhiên, thực tế cho thấy trình độ sản xuất của CADIVI luôn ở mức đạt và vượt chuẩn quy định nên rủi ro về thay đổi những tiêu chuẩn kỹ thuật ít ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

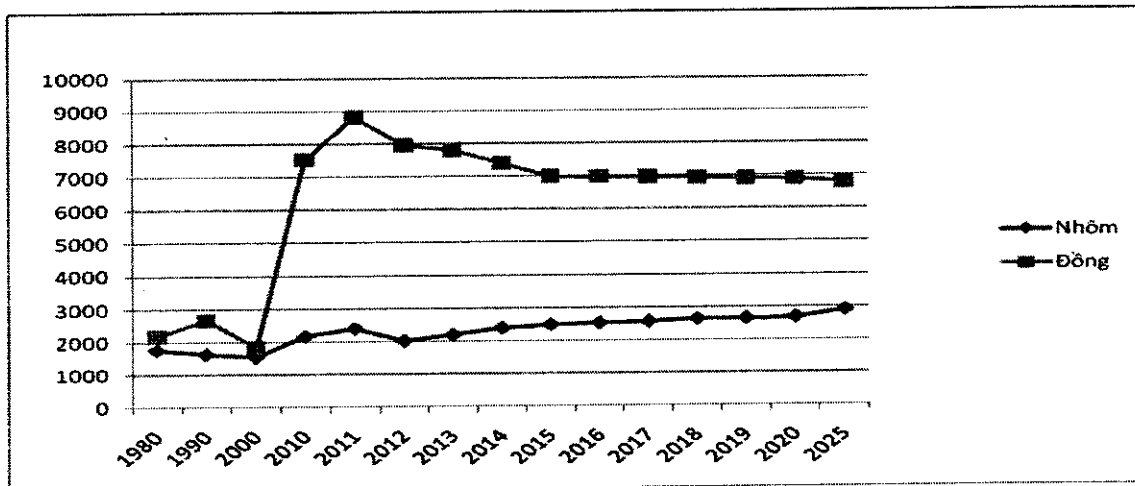
3. Rủi ro đặc thù ngành

❖ **Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào:**

Để đảm bảo uy tín doanh nghiệp và chất lượng sản phẩm, CADIVI nhập khẩu nguyên liệu đầu vào như đồng, nhôm, nhựa và một số nguyên liệu khác từ các nước có công nghệ sản xuất tiên tiến như Đức, Hàn Quốc, Singapore...Thực tế hoạt động cho thấy tổng chi phí nguyên vật liệu chiếm đến 90% giá thành sản phẩm, kết quả SXKD của Công ty lệ thuộc khá nhiều vào diễn biến giá cả các nguyên vật liệu này trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, theo dự báo của Ngân hàng Thế Giới, giai đoạn 2013-2025 sẽ không có quá nhiều biến động về diễn biến giá cả Đồng, Nhôm so với giai đoạn 1980 – 2012:

Biểu đồ 02: Diễn biến giá đồng, nhôm giai đoạn 1980 – 2012 và dự báo đến năm 2025

DVT: USD/Tân



Nguồn: Ngân hàng thế giới

Theo đó, với dự báo không có quá nhiều biến động về mặt giá cả các nguyên vật liệu như đồng, nhôm trên thị trường thế giới sẽ là dấu hiệu thuận lợi đối với các doanh nghiệp trong ngành sản xuất thiết bị điện. Tuy nhiên, việc chủ động kiểm soát diễn biến thị trường để có quyết sách quản lý phù hợp là một yếu tố tiên quyết để thành công. Là một doanh nghiệp có uy tín và hoạt động lâu năm trong ngành, CADIVI luôn chủ động đề đối phó với những biến động, thay đổi giá cả; thiết lập được mối quan hệ lâu dài và uy tín với những đối tác trong và ngoài nước nhằm đảm bảo tính ổn định cho giá cả nguyên liệu đầu vào; thường xuyên mở rộng mối

quan hệ hợp tác với nhiều nhà cung cấp khác để có được nguồn cung nguyên liệu ổn định với giá cả hợp lý.

❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Áp lực cạnh tranh lớn nhất của CADIVI trước hết là từ những doanh nghiệp nước ngoài như các đối thủ trong khu vực ASEAN: Bangkok Cable Co., Ltd. - Thailand; Leader Cable Industry Berhad - Malaysia; Olympic Cable Co Sdn Bhd - Malaysia; PT Supreme Cable Manufacturing Corporation Tbk (SUCACO)- Indonesia.

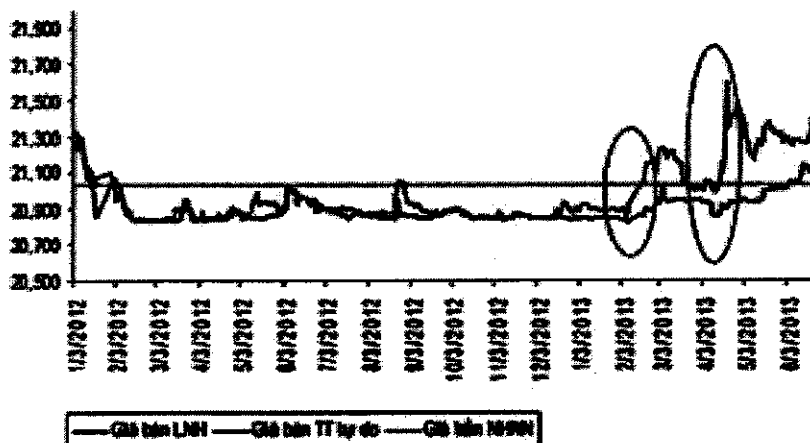
Bên cạnh đó, số lượng lớn các doanh nghiệp trong nước cũng là thách thức cạnh tranh đối với CADIVI. Hiện có gần 200 nhà sản xuất dây cáp điện lớn và nhỏ. Ngoài ra, trên thị trường hiện nay đã xuất hiện không ít mặt hàng dây và cáp điện không rõ xuất xứ, chất lượng thấp dẫn đến giá bán thấp hơn.

Cạnh tranh ngày càng khốc liệt, khách hàng ngày càng có nhiều lựa chọn sẽ ít nhiều gây sức ép đến giá bán cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ hậu mãi...là thách thức lớn đối với hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

❖ **Rủi ro về tỷ giá**

Với mục tiêu vươn xa, sớm trở thành nhà cung cấp hàng đầu khu vực Đông Nam Á, xâm nhập và mở rộng ra thị trường các nước trong khu vực như Myanmar, Campuchia, hay các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Úc...Bên cạnh đó, nguồn nguyên liệu của CADIVI hiện chủ yếu là ngoại nhập. Do vậy, hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty sẽ bị tác động đáng kể bởi những biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó, sẽ chịu những tác động nhất định.

Biểu đồ 03: Diễn biến tỷ giá VNĐ/USD



Nguồn: SBV, MBKE



4. Rủi ro từ đợt chào bán, của việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro từ đợt chào bán này được xem là rất thấp vì đối tượng được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược nên người được quyền mua cổ phiếu hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như Ban lãnh đạo Công ty. Đây là yếu tố tích cực, hứa hẹn sẽ góp phần tạo nên thành công của đợt chào bán. Trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt chào bán, lãnh đạo CADIVI cũng cam kết sẽ chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu không bán hết cho đối tác phù hợp.

5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi CADIVI thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán ưu đãi (thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành). Đối với đợt phát hành tăng vốn điều lệ của CADIVI, có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

Tổng số cổ phiếu chào bán: 3.840.008 cổ phần (Ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn không trăm lẻ tám cổ phần) cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược của Công ty với giá phát hành là 15.000 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(P_{Rt-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Trong đó:

P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.

P_{Rt-1} : là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày dịch không hưởng quyền.

PR : là giá phát hành.

Ví dụ :

Giả sử giá cổ phiếu CADIVI vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 16.000 đồng/cổ phiếu (P_{Rt-1}). Tổng số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược là 3.840.008 cổ phần. Giá chào bán là 15.000 đồng/cp. Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 24.959.992 cổ phần. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau :

$$P_{tc} = \frac{(16.000 \times 24.959.992) + (15.000 \times 3.840.008)}{24.959.992 + 3.840.008} = 15.866 \text{ đồng/cổ phần}$$



Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của CADIVI cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của CADIVI. Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là các rủi ro về hỏa hoạn. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Nguyễn Hoa Cương

Ông: Phạm Tuấn Anh

Ông: Nguyễn Lộc

Ông: Võ Hữu Luyện

Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn Trung

Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc

Giấy Ủy quyền số 136 - 2012/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 28 tháng 12 năm 2012

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do CTCP Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

CADIVI	:	Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
FPTS	:	Công ty cổ phần chứng khoán FPT
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban Kiểm Soát
KCN	:	Khu công nghiệp
UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán nhà nước
BCTC	:	Báo cáo tài chính
SGDCK	:	Sở giao dịch chứng khoán
TGD	:	Tổng giám đốc
HĐLĐ	:	Hợp đồng lao động
TSCĐ	:	Tài sản cố định
VNĐ	:	Việt Nam đồng
VĐL	:	Vốn điều lệ
Tổ chức tư vấn	:	CTCP Chứng Khoán FPT
Tổ chức phát hành	:	CTCP Dây cáp điện Việt Nam
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
CP	:	Cổ phiếu
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
DTT	:	Doanh thu thuần



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tổng quan về Công ty

Thông tin chung

Tên Công ty
Tên tiếng Anh
Tên viết tắt

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
VIETNAM ELECTRIC CABLE CORPORATION
CADIVI

Logo



Vốn Điều Lệ

249.599.920.000 (Hai trăm bốn mươi chín tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)

Trụ sở chính

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại

(84.8) 38299443 – 38292971

Fax

(84.8) 38299437

Email

cadivi@cadivi.com.vn

Website

www.cadivi.com.vn và www.cadivi-vn.com

Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số mới 0300381564 (số cũ 4103007511) đăng ký lần đầu ngày 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 12/12/2012, ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam là:

- Sản xuất dây cáp điện;
- Sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện;
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại màu;
- Mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại;
- Mua bán sản phẩm từ kim loại màu;
- Kinh doanh nhà ở; đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê; kinh doanh nhà hàng khách sạn
- Sản xuất thiết bị phụ tùng máy móc, vật tư các loại.



2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Tháng 10/1975** Theo Quyết định 220/TC-QĐ của Tổng cục Cơ khí Luyện kim và Điện tử, Công ty Dây đồng - tiền thân của Công ty Dây cáp điện VN được thành lập trên cơ sở tiếp quản các cơ sở sản xuất dây cáp điện và các sản phẩm khác có nguyên liệu từ đồng và nhôm do chế độ cũ để lại.
- Ngày 03/12/1976** Hội đồng Chính phủ ra quyết định số 237/CP đổi tên Công ty Dây đồng thành Công ty Luyện kim màu, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Cơ khí Luyện kim.
- Ngày 12/11/1979** Hội đồng Chính phủ ra quyết định số 406/CP đổi tên Công ty Luyện kim màu thành XNLH Cán kéo dây đồng và nhôm.
- Ngày 06/11/1989** Theo đề nghị của lãnh đạo XNLH, Bộ Cơ khí Luyện kim ra quyết định số 207/CL-TC đổi tên XNLH Cán kéo dây đồng và nhôm thành XNLH Dây và cáp điện - CADIVI. Tên giao dịch thương mại của XNLH là CADIVI.
- Ngày 10/7/1990** Bộ Công nghiệp nặng (sáp nhập từ Bộ Cơ khí Luyện kim, Tổng cục Hóa chất, Tổng cục Điện tử) ra quyết định số 237/CNNG-TCNS về việc thành lập Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện là cơ quan quản lý trực tiếp của XNLH Dây và Cáp điện.
- Ngày 23/3/1995** Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng ra quyết định số 238/CL-TCCBĐT, đổi tên XNLH Dây và cáp điện thành Công ty Dây và Cáp điện Việt Nam - CADIVI.
- Ngày 21/12/2004** Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 173/2004/QĐ-BCN chuyển Công ty Dây và Cáp điện Việt Nam thành Công ty TNHH nhà nước MTV Dây và Cáp điện Việt Nam.
- Ngày 09/09/2005** Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 2852/QĐ-BCN đổi tên gọi Công ty TNHH nhà nước một thành viên Dây và Cáp điện Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên Dây và Cáp điện Việt Nam thuộc Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện.
- Ngày 01/06/2006** Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 1433/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dây và Cáp điện Việt Nam.
- Ngày 01/9/2007** Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam - CADIVI chính thức đi vào hoạt động, với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007511 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/8/2007 với vốn điều lệ 160.000.000.000 VNĐ (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Ngày 30/10/2009** Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam hoàn tất việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 192.000.000.000 VNĐ (Một trăm chín mươi hai tỷ đồng).



Ngày 20/08/2012 | Phê duyệt tăng vốn điều lệ từ 192 tỷ đồng lên 249.599.952.000 VNĐ.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381564 đăng ký lần đầu ngày 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/12/2012.

Ngày 17/4/2013 | Tại ĐHCĐ thường niên năm 2013, kế hoạch điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 288 tỷ đồng được thông qua.

Những thành tựu đã đạt được

Trải qua 38 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, CADIVI đã:

Được Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu:

- Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (năm 2005);
- Huân chương độc lập hạng III (năm 2000), hạng II (2012);
- Huân chương lao động hạng Nhất (năm 1996);
- Huân chương lao động hạng Nhì (năm 1990);
- Huân chương lao động hạng Ba (năm 1985 và 1986);
- Huân chương lao động hạng Ba (1992);
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Năm 2006, 2008).
- Bằng khen của Bộ Tài nguyên và Môi trường vì có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2008, 2009.
- Bằng khen của Ủy Ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (2006, 2008, 2009);
- Cờ thi đua chính phủ (năm 1993, 1994, 1995, 2001, 2002, 2003, 2004);
- Được công nhận là Thương hiệu quốc gia 3 kỳ liên tiếp 2008, 2010, 2012 (02 năm tổ chức 1 lần);
- Và nhiều cờ thi đua, bằng khen, giấy khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, UBND Tỉnh Đồng Nai, Tổng liên đoàn lao động Việt nam, Công đoàn ngành Công nghiệp, Liên đoàn lao động Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, tỉnh An Giang ... trao tặng.

Riêng về lĩnh vực chất lượng, CADIVI đã đạt được:

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9002: 1994 do tổ chức AFAQ và QUACERT cấp năm 1998 và ISO 9001:2000 do tổ chức QUACERT cấp năm 2002, 2005 và các năm 2008, 2010, 2011;
- Danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao" trong 17 năm liên tục, từ năm 1997 đến năm 2013;
- Danh hiệu 16 năm cống hiến vì người tiêu dùng do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao TP HCM trao tặng (2012);
- Top 10 thương hiệu tiêu biểu Việt Nam đoạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt 2009 và Giải thưởng "Sao vàng đất Việt" năm 2004, 2006, 2007, 2008;



- Cúp vàng Vì sự nghiệp bảo vệ môi trường Việt Nam do Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam trao tặng 2008, 2009;
- Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương 2009 (IAPQA 2009); Giải vàng Chất lượng Việt Nam do Bộ Khoa học và Công nghệ tặng năm 2008; giải thưởng CLVN 2007;
- Đạt danh hiệu Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2012-2013 do Bộ Công thương xét chọn;
- Đứng trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2007, 2010, 2011;
- Đạt giải thưởng Thương hiệu chứng khoán uy tín – 2009 và danh hiệu Công ty đại chúng tiêu biểu dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Giải thưởng “Doanh nghiệp vì Cộng đồng lần I” năm 2009 do Bộ Công thương bình chọn;
- Danh hiệu Top Siêu cúp Nhãn hiệu Nổi tiếng Quốc gia do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng năm 2008;
- Đạt giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc toàn quốc lần thứ I năm 2009 do Bộ Công thương chứng nhận;
- Bằng khen Top 15 doanh nghiệp xuất sắc nhất giải thưởng “Doanh nghiệp Hội nhập và phát triển” năm 2007 do Ban Tuyên Giáo – Đảng CS VN trao tặng;
- Chứng nhận “Thương hiệu dẫn đầu Hàng VN chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức năm 2007;
- Chứng nhận nằm trong bảng xếp hạng 200 doanh nghiệp lớn nhất VN do UNDP công bố (Top 200);
- Chứng nhận đạt giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam” 2004-2005-2006 do Thời báo kinh tế Việt Nam trao giải;
- “Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam” do người tiêu dùng bình chọn năm 2006 trong chương trình Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Công ty AC Nielsen Việt Nam thực hiện;
- Danh sách 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2006 do người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức;
- Cúp vàng Thương hiệu ngành xây dựng Việt Nam tại triển lãm quốc tế Vietbuld 2007 – Xây dựng-Vật liệu xây dựng-Nhà ở & trang trí nội ngoại thất;
- Cúp vàng sản phẩm Việt uy tín chất lượng 2006;
- Cúp vàng Thương hiệu Công nghiệp hàng đầu Việt Nam 2006 do Bộ Công nghiệp tặng;
- Đạt Nhãn hiệu nổi tiếng Quốc gia trong chương trình Tư vấn & Bình chọn Nhãn hiệu cạnh tranh – Nổi tiếng quốc gia 2006;
- Chứng nhận Cúp vàng ISO năm 2006 do Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận;
- Được bình chọn thương hiệu “Việt Nam Tốt Nhất” năm 2007 trong lĩnh vực Thiết Bị Điện do Báo Điện Tử VietnamNet chứng nhận;



- Được tặng cúp Vì sự nghiệp phát triển năng lượng Việt Nam 2007 do Hiệp hội Đầu tư Xây dựng năng lượng VN (VEA) trao;
- Công ty được UBND TP. HCM chọn là sản phẩm Công nghiệp chủ lực của TPHCM;
- Thương hiệu được ưa thích nhất các năm 1998, 2001;
- Cúp “Ngôi sao chất lượng” năm 2003;
- Nhãn hiệu có uy tín tại Việt Nam năm 2003;
- Danh hiệu “Thương hiệu nổi tiếng với người tiêu dùng” năm 2004, 2005, 2006, 2007;
- Cúp Vàng Topten sản phẩm uy tín chất lượng hàng đầu năm 2005.

Và nhiều Huy chương cho các loại sản phẩm tại các kỳ hội chợ quốc gia và quốc tế.



“Thương hiệu quốc gia”



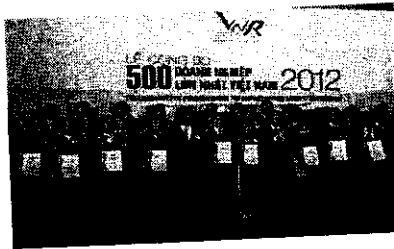
“Giải vàng Giải thưởng chất lượng quốc gia”



“Hàng Việt Nam chất lượng cao” 17 năm liền



Top 10 Giải thưởng “Sao Vàng đất Việt”



Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2012



Giải nhất Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương (IAPQA) 2009



Huân chương Độc lập hạng Nhì

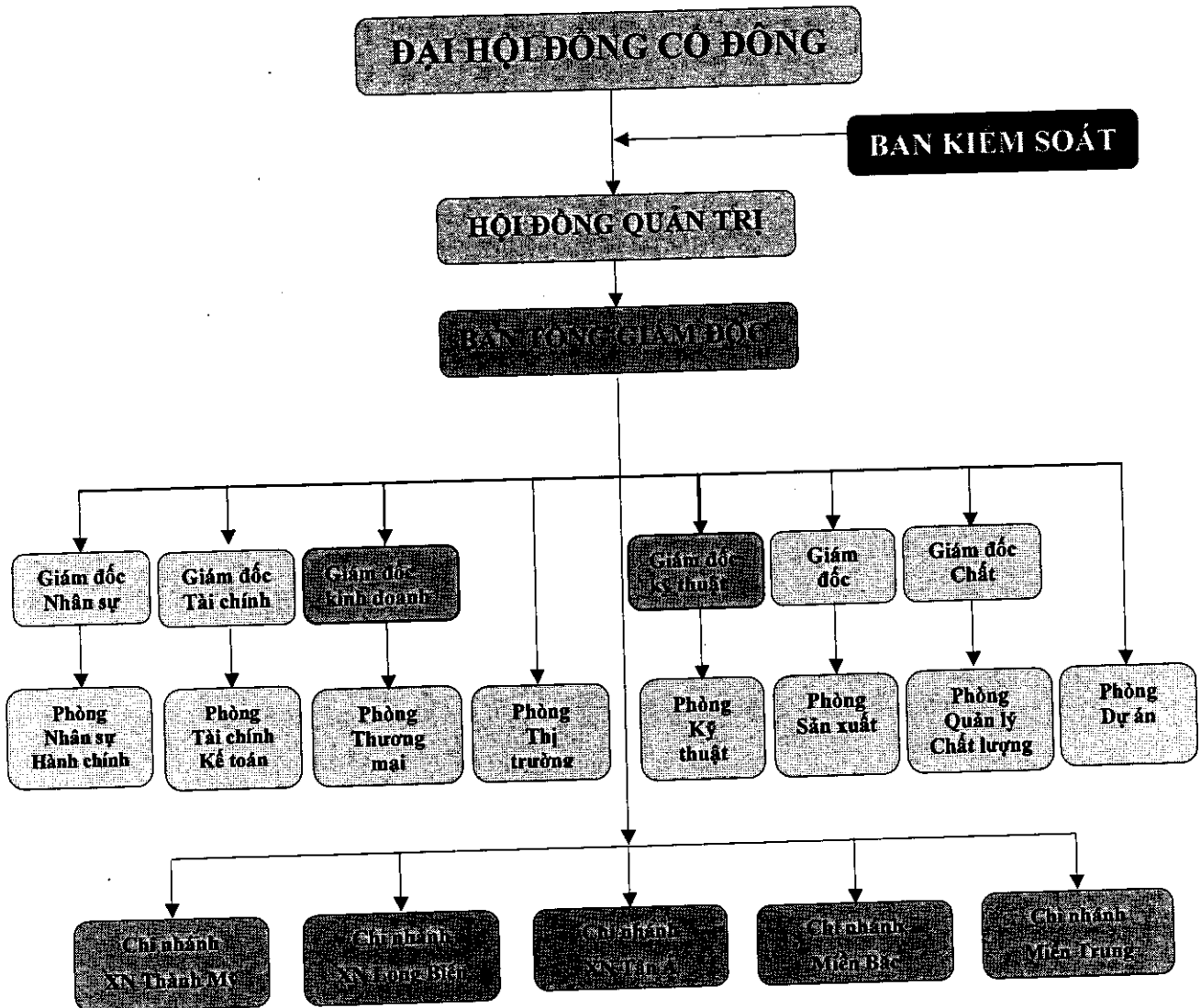
3. Cơ cấu tổ chức Công ty và bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần quy định theo luật doanh nghiệp 2005, tuân thủ các quy định pháp luật khác và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

• **Mô hình quản trị:**

- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty.
- Hội đồng Quản trị : gồm có 5 thành viên
- Ban kiểm soát : gồm có 3 thành viên
- Ban Giám đốc : gồm 3 thành viên: 1 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

Biểu đồ 04: Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty





Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của CADIVI. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để kiểm tra mọi hoạt động quản trị, tài chính và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của mình. Hiện, Ban kiểm soát gồm 03 người, nhiệm kỳ Ban kiểm soát không quá 5 năm.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực thi tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Ban Điều hành:

Ban điều hành bao gồm: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phó tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc.

Tóm tắt chức năng nhiệm vụ các phòng ban chức năng

Phòng Tài chính – Kế toán:

- **Chức năng:** Quản lý và thực hiện công tác tài chính và Quản lý và thực hiện công tác kế toán.
- **Nhiệm vụ chính:**
 - Quản lý công tác tài chính: tổ chức thực hiện, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tài chính; thực hiện công tác quản trị tài chính, tư vấn cho Tổng giám đốc về việc huy động và cân đối các nguồn vốn; động và quản lý các nguồn vốn; kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và



nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;...

- Quản lý công tác kế toán: Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán của nước CHXHCN Việt Nam; cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu kế toán kịp thời, đầy đủ và trung thực cho các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty; các báo cáo tài chính định kỳ theo chuẩn mực và chế độ kế toán quy định; ...

- Quản lý công tác kế toán quản trị: Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo phạm vi, nội dung kế toán quản trị của Công ty xác định theo từng thời kỳ phục vụ yêu cầu của Tổng giám đốc; kiểm tra, giám sát các đơn vị trong Công ty về việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, dự toán do Công ty ban hành; cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị nội bộ của Công ty bằng báo cáo kế toán quản trị; ...

Phòng Nhân sự - Hành chính:

• **Chức năng:** Quản lý công tác nhân lực và Quản lý công tác hành chính, bảo vệ, tự vệ và phòng cháy chữa cháy.

• **Nhiệm vụ:**

- Quản lý công tác nhân lực: lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, theo dõi kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện các chính sách nhân sự; xây dựng thang bảng lương, định mức lao động và các quy chế, chính sách lương thưởng phù hợp; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ lao động theo luật định...

- Quản lý công tác hành chính và an ninh: Tiếp nhận và xử lý các văn bản và tài liệu đến/đi; quản lý và sử dụng hồ sơ, con dấu, tổng đài điện thoại và mạng nội bộ; tổ chức thực hiện công tác lễ tân, hội họp và tạp vụ, công tác mua sắm, sử dụng, sửa chữa bảo trì điện nước, văn phòng phẩm...; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát công tác bảo vệ, tự vệ, phòng cháy chữa cháy tại Công ty;...

Phòng thương mại:

• **Chức năng:**

- Hoạch định, tổ chức thực hiện và điều hành công tác bán hàng trong và ngoài nước;
- Tổ chức triển khai các hợp đồng đã ký, trên cơ sở hàng tồn kho đề nghị sản xuất mới, theo dõi và quản lý công nợ trong toàn Công ty;
- Xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường.

• **Các nhiệm vụ chính:**

- Hoạch định và tổ chức công tác bán hàng;
- Kiểm soát hợp đồng bán hàng;
- Quản lý các đại lý;
- Kiểm soát công nợ;
- Cung ứng sản phẩm cho các chi nhánh;

- Quan hệ quốc tế, xuất khẩu sản phẩm;
- Chăm sóc khách hàng, hậu mãi.

Phòng thị trường:**• Chức năng:**

- Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường trong và ngoài nước.
- Công tác tiếp thị, quảng cáo, xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu trong và ngoài nước.
- Công tác đấu thầu, chào giá.
- Công tác tiếp cận dự án.

• Nhiệm vụ chính:

- Nghiên cứu, phát triển thị trường trong và ngoài nước: hoạch định, nghiên cứu, phân tích đối thủ cạnh tranh, phân tích thị trường khách hàng; nghiên cứu lựa chọn thị trường mục tiêu...;
- Tiếp thị, quảng cáo, xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu trong và ngoài nước: xây dựng các kế hoạch tiếp thị, quảng cáo, xúc tiến thương mại... và triển khai thực hiện; tổng hợp, phân tích, đánh giá hiệu quả các chương trình tiếp thị, quảng cáo, xúc tiến thương mại báo cáo Tổng giám đốc; lập kế hoạch và triển khai chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu; nghiên cứu, đề xuất và triển khai các biện pháp để bảo vệ có hiệu quả thương hiệu không bị xâm hại...;
- Đấu thầu, chào giá các dự án: Nghiên cứu tham gia đấu thầu các dự án ngành điện và các dự án khác trong và ngoài nước; thu thập thông tin và lựa chọn các gói thầu, chào giá có thể tham gia; phân tích yêu cầu thầu, chào giá và xác nhận tham gia dự thầu, chào giá; và các công tác khác liên quan;
- Tiếp cận dự án: Thu thập thông tin thị trường dự án; tiếp xúc với các dự án để tìm hiểu nhu cầu khách hàng; Đề xuất phương án giá cho các dự án; thương thảo và ký kết hợp đồng bán hàng...

Phòng Kỹ thuật cơ điện:**• Chức năng và nhiệm vụ chính:**

- Quản lý công nghệ sản xuất: Hướng dẫn và theo dõi sản xuất; theo dõi công nghệ; tham khảo và biên soạn các tiêu chuẩn; giải quyết các khiếu nại; định mức vật tư; đào tạo;...
- Quản lý phần cơ khí;
- Quản lý thiết bị phần điện và PLC: Lập hồ sơ thiết bị; sửa chữa thiết bị; cải tiến thiết bị; gia công phụ tùng thay thế; thanh lý thiết bị; quản lý công tác tiến bộ kỹ thuật; định mức năng suất; triển khai xét duyệt, quản lý các hoạt động liên quan đến sáng kiến, sáng chế...;
- Quản lý thông số kỹ thuật sản phẩm: chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật để chào thầu, chào giá; soạn catalogue; quản lý kỹ thuật các xí nghiệp...;
- Nghiên cứu sản phẩm mới.

Phòng sản xuất:**• Chức năng và nhiệm vụ chính:**

- Kế hoạch: Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo chiến lược phát triển; lập báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh...
- Điều độ sản xuất: Điều phối hoạt động sản xuất các đơn vị trong toàn Công ty căn cứ vào năng lực thiết bị và lợi thế của từng đơn vị; quản lý tồn kho thành phẩm toàn Công ty...
- Tính giá: Trên cơ sở các thông tin về giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào để tính các phương án giá cho bộ phận bán hàng, bộ phận đấu thầu và dự án, các bộ phận khác theo yêu cầu; quản lý các hồ sơ tính giá theo quy chế “MẬT”.
- Cung ứng: Hoạch định, tổ chức thực hiện cung ứng vật tư, nguyên liệu trong toàn Công ty, giám sát việc cung ứng vật tư, nguyên liệu cho các đơn vị để phục vụ kịp thời hoạt động sản xuất của các đơn vị.

Phòng quản lý chất lượng:**• Chức năng và nhiệm vụ chính:**

- Kiểm tra, giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn vật tư, sản phẩm trong sản xuất: Tổ chức, quản lý nghiệp vụ và giám sát các hoạt động của phòng quản lý chất lượng; tổ chức thực hiện công tác kiểm tra chất lượng vật tư, sản phẩm trong toàn Công ty; kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận chất lượng các vật tư đầu vào; biên soạn và triển khai hướng dẫn quản lý chất lượng khi có yêu cầu; giám sát việc thực hiện theo các tiêu chuẩn, thủ tục, hướng dẫn kiểm soát chất lượng ở các công đoạn trong quá trình sản xuất tại xí nghiệp;
- Quản lý công tác đo lường và phương tiện đo: Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước về công tác đo lường; xây dựng; quản lý phương tiện đo dùng để kiểm tra chất lượng sản phẩm trong toàn Công ty; hướng dẫn sử dụng và bảo quản; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm định/ hiệu chuẩn, bảo trì phương tiện đo;
- Công bố và áp dụng các tiêu chuẩn sản phẩm : Thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hoá CADIVI theo quy định của pháp luật và cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan; giám sát việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn chất lượng đã công bố; tổ chức thực hiện chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tổ chức thực hiện chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm CADIVI theo tiêu chuẩn quốc tế do tổ chức chứng nhận nước ngoài thực hiện;
- Quản lý tài liệu, hồ sơ chất lượng: Thực hiện kiểm soát, cập nhật các tiêu chuẩn, các văn bản quy phạm pháp luật, các tài liệu quan đến công tác đo lường, công tác kiểm tra thử nghiệm, công tác quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá...

Phòng Dự án:**• Chức năng và nhiệm vụ chính:**

- Nghiên cứu, lập các dự án đầu tư: Nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu

khả thi của các dự án đầu tư; nghiên cứu, đề xuất các đối tác có tiềm lực tài chính, công nghệ để hợp tác thực hiện các dự án đầu tư của Công ty...;

- Quản lý và điều hành các dự án đầu tư đã được phê duyệt: Chuẩn bị các yếu tố về nhân sự, pháp lý, tài chính để triển khai thực hiện dự án; lập, trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, chào giá, chỉ định thầu, tổ chức đấu thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu theo quy định; chỉ đạo, điều phối hoạt động của các bên tham gia thực hiện dự án theo ủy quyền của Tổng giám đốc; tổ chức nghiệm thu, đề nghị thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng với các nhà thầu theo hợp đồng đã ký kết; tổng kết và đánh giá hiệu quả của dự án nhằm rút kinh nghiệm và cải tiến cho các dự án sau....

Các xí nghiệp:

- Trực tiếp quản lý điều hành xí nghiệp; Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực sản xuất của xí nghiệp và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Quản lý, sử dụng các loại tài sản: thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu, sản phẩm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp theo quy định và phân cấp của Công ty;

- Công tác kế toán, báo cáo quyết toán theo định kỳ; công tác kế hoạch, điều độ sản xuất, tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của xí nghiệp hàng tháng, quý, năm theo quy định;

- Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường; xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu theo phân cấp của Công ty; giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng theo ủy quyền của Tổng giám đốc;

- Quản lý và thu hồi công nợ khách hàng;

- Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện, kiểm tra chất lượng của xí nghiệp theo phân cấp; công tác an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy trong phạm vi xí nghiệp.

Các chi nhánh:

- Trực tiếp quản lý điều hành chi nhánh; tổ chức hoạt động kinh doanh phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Quản lý, sử dụng các loại tài sản: thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động kinh doanh của chi nhánh theo quy định và phân cấp của Công ty;

- Công tác kế toán, báo cáo quyết toán theo định kỳ; Công tác kế hoạch bán hàng, tổng hợp báo cáo tình hình kinh doanh của chi nhánh hàng tháng, quý, năm theo quy định;

- Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường; xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu theo phân cấp của Công ty; giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng theo ủy quyền của Tổng giám đốc;

- Xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống đại lý theo phân cấp của Công ty;

- Quản lý và thu hồi công nợ khách hàng;



- Công tác an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy của chi nhánh;

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan

Tính đến ngày 30/06/2013, cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty CP thiết bị điện Việt Nam

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	52 Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – Hà Nội	15.977.661	159.776.610.000	64,01%

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381564 (số cũ 4103007511) lần đầu vào ngày 08/08/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 12/12/2012.

Theo Luật doanh nghiệp, sau thời gian 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 30/6/2013, Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 02: Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Trong nước:			
Cổ đông Nhà nước	15.977.661	159.776.610.000	64,01%
Tổ chức trong nước	3.383.517	33.835.170.000	13,56%
Cá nhân trong nước	5.562.277	55.622.770.000	22,28%
Ngoài nước:		0	



Tổ chức		0	
Cá nhân	36.537	365.370.000	0,15%
Cổ phiếu quỹ	0	0	
Tổng cộng	24.959.992	249.599.920.000	100%

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Công ty mẹ:

Tên	Địa chỉ	Vốn đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	52 Lê Đại Hành – Hai Bà Trung – Hà Nội	159.776.610.000	64,01%

Công ty con: không có

Các Công ty có liên quan: không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

❖ **Tăng vốn lần đầu: Từ 160.000.000.000 đồng lên 192.000.000.000 đồng**

▪ **Mục đích phát hành: tái cơ cấu nguồn vốn kinh doanh**

▪ **Hình thức và thời điểm phát hành:**

○ *Phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động:*

- Đối tượng phát hành : Cán bộ công nhân viên Công ty
- Thời gian đăng ký mua : từ 28/12/2008 đến 05/1/2009
- Thời gian kết thúc đợt phát hành : 20/1/2009
- Số CBCNV được phân phối : 663 người
- Số lượng phát hành : 797.300 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá trị vốn tăng thêm : 7.973.000.000 đồng



○ *Phát hành ra công chúng:*

- Đối tượng phát hành : Nhà đầu tư (thông qua đấu giá cạnh tranh)
- Thời gian bắt đầu chào bán : 17/07/2009
- Thời gian kết thúc đợt chào bán : 31/10/2009
- Số lượng cổ đông : 179 người
- Số lượng phát hành : 2.402.700 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Giá phát hành : 20.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị huy động theo mệnh giá : 24.027.000.000 đồng
- Giá trị vốn tăng thêm : 48.061.300.000 đồng

▪ **Tổng giá trị vốn tăng thêm:**

- Tổng giá trị vốn huy động theo mệnh giá: 32.000.000.000 đồng
- Tổng giá trị vốn tăng thêm : 56.034.300.000 đồng

▪ **Đơn vị cấp** : Ủy ban chứng khoán Nhà nước

❖ **Tăng vốn lần 02: Từ 192.000.000.000 đồng lên 249.599.920.000 đồng**

- **Mục đích phát hành:** tăng năng lực tài chính của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về vốn để triển khai các dự án đầu tư.

▪ **Hình thức và thời điểm phát hành:** Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2011.

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu của CADIVI có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để hưởng quyền.
- Thời gian phát hành : 02/7/2012
- Thời gian kết thúc : 06/7/2012
- Số lượng cổ đông : 1.186 người
- Số lượng phát hành : 5.759.992 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành : 10:3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu nhận thêm 03 cổ phiếu mới)
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 57.599.920.000 đồng
- Giá trị vốn tăng thêm : 57.599.920.000 đồng

▪ **Tổng giá trị vốn tăng thêm** : 57.599.920.000 đồng

▪ **Đơn vị cấp:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm/giá trị dịch vụ của Công ty qua các năm

7.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Các sản phẩm chính

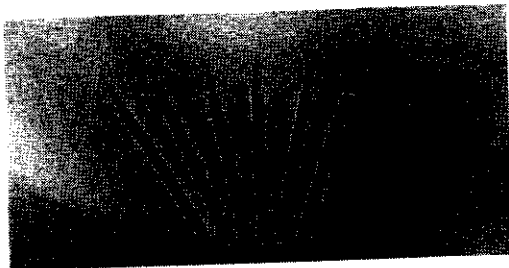
- Các loại dây điện bao gồm các loại dây điện dân dụng và dây điện lực..
- Các loại cáp điện bao gồm các loại cáp điện lực, cáp vặn xoắn, cáp trung thế, cáp điện thế, rẽ quạt, duplex, cáp chống cháy, cáp điều khiển, cáp chống thấm...
- Các loại dây điện từ, khí cụ điện, đồng thau, nhôm hình, hạt nhựa PVC, sản phẩm xuất khẩu...

Một số sản phẩm tiêu biểu



Dây điện dân dụng:

Dây điện bọc nhựa PVC dùng cho các thiết bị điện trong nhà.



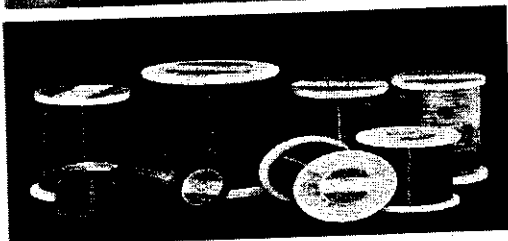
Dây điện lực:

Dây điện lực hạ thế CV: Dây điện lực ruột đồng cách điện bằng nhựa PVC, dùng để truyền tải, phân phối điện, điều kiện lắp đặt cố định.

Dây điện lực hạ thế AV: Dây điện lực ruột nhôm, cách điện bằng nhựa PVC, dùng để truyền tải, phân phối điện, điều kiện lắp đặt cố định.



Dây điện lực hạ thế AX: Dây điện lực ruột nhôm, cách điện bằng nhựa XLPE, dùng để truyền tải, phân phối điện, điều kiện lắp đặt cố định.



Dây điện từ:

Dây tráng men ruột đồng tròn: Tùy theo yêu cầu của khách hàng, CADIVI có khả năng sản xuất các loại dây tráng 1 hay 2 lớp men, trên máy tráng men nằm hoặc máy tráng men đứng.



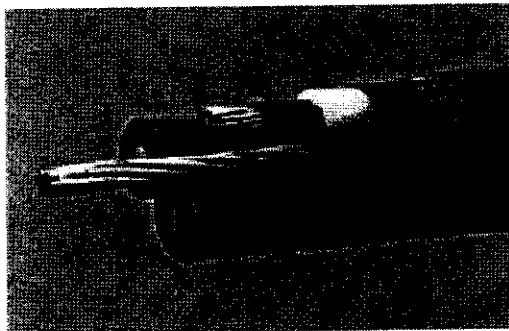
Cáp điện lực:

Cáp điện lực hạ thế 1- 4 lõi:

- Cáp điện lực hạ thế 1- 4 lõi, lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC CVV – 0,6/1 KV.



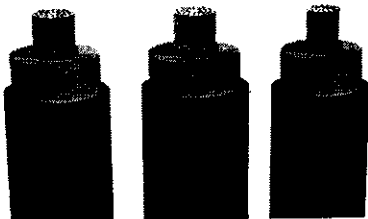
Cáp Điện Lực Det Hạ Thế 2 - 3 Lõi: Cáp điện lực det 2 đến 3 lõi, ruột đồng, cách điện và vỏ bằng nhựa PVC, dùng để phân phối điện trong dân dụng, cấp điện áp 450/750 hoặc 600/1000V, tần số 50Hz, lắp đặt cố định.



Cáp vặn xoắn:

Cáp vặn xoắn hạ thế 2,3,4 lõi ruột nhôm, cách điện XLPE (LV-ABC): dùng để truyền tải, phân phối điện, cấp điện áp 0,6/1kV, treo trên không.

Cáp vặn xoắn trung thế (HV-ABC – 6,35/11(12) KV -12,7/22(24) KV): Cáp vặn xoắn trung thế ruột nhôm, cách điện bằng XLPE, dùng để truyền tải, phân phối điện, cấp điện áp 6,35/11(12) KV và 12,7/22(24) KV, treo trên không.



Cáp trung thế:

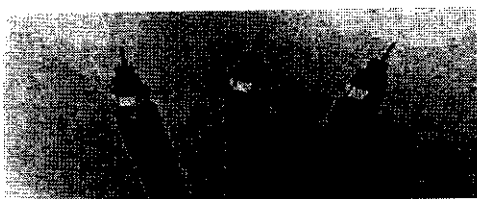
Cáp trung thế treo có màn chắn ruột dẫn không vỏ.



Cáp chống cháy:

Dây & cáp chống cháy CX/FR; CXV/FR-0.6/1KV.

Dây & cáp chống cháy, ít khói & khí độc CXE/LSF 0.6/1KV

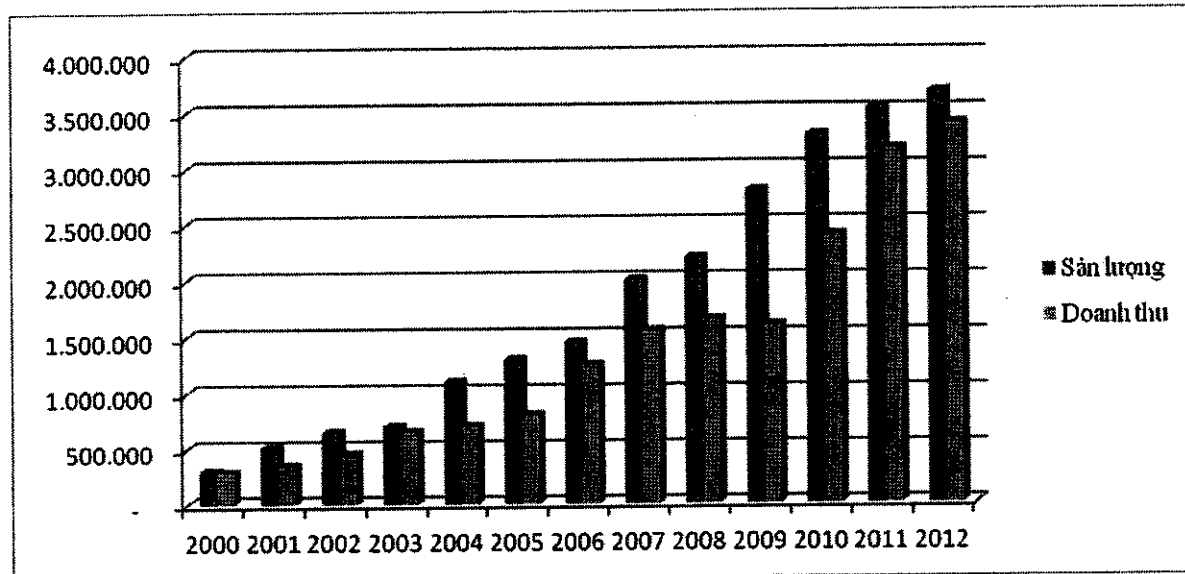


Cáp điều khiển

Cáp điều khiển 1- 30 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC - DVV – 0,6/1 KV.

7.1.2. Cơ cấu doanh thu thuần các nhóm sản phẩm dịch vụ qua các năm

Biểu đồ 05: Tăng trưởng sản lượng và doanh thu 2000 - 2012



Nguồn: CADIVI

Qua các năm, với định hướng chiến lược tập trung khẳng định vị thế ở thị trường nền và từng bước vươn rộng, cùng với phương châm lấy nền tảng là chất lượng sản phẩm, kết quả hoạt động sản xuất của Công ty luôn ổn định. Biểu đồ 05 trên cho thấy Công ty luôn duy trì mức giá trị sản lượng và doanh thu tăng trưởng đều qua các năm.

Bảng 03: Cơ cấu doanh thu thuần theo các nhóm sản phẩm

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		6 tháng đầu năm 2013	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Thành phẩm hàng hóa	3.148.622	99,17%	3.279.449	96,61%	1.610.453	78,53%
2	Gia công sản xuất	345	0,01%	11,8	0,00%	889	0,04%
3	Bán vật tư, phế liệu	25.494	0,80%	111.435	3,28%	436.570	21,29%
4	Khác	562	0,02%	3.482	0,10%	2.810	0,14%
Tổng		3.175.022	100,00%	3.394.378	100,00%	2.050.722	100,00%

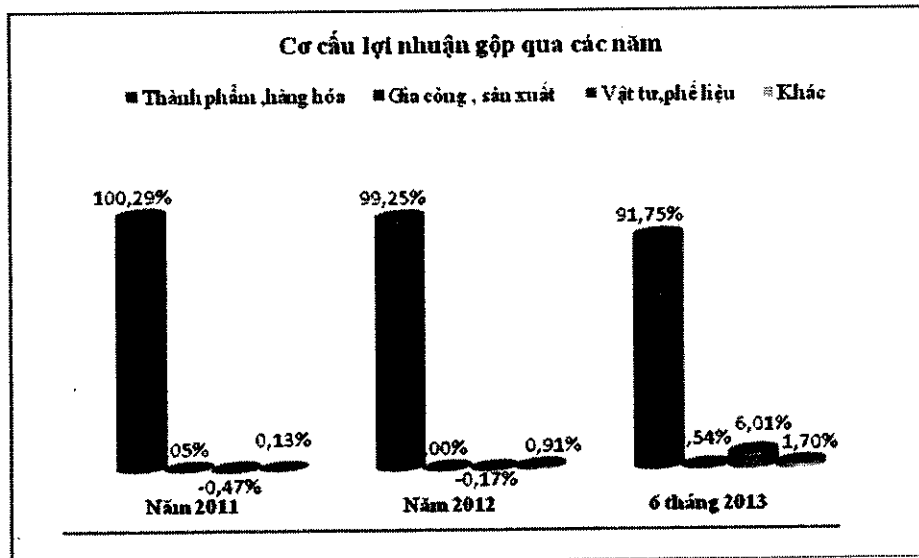
Nguồn: BCTC kiểm toán 2012 và BCTC Quý II/2013

Năm 2011 và 2012, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, tăng trưởng không đạt tốc độ bình quân giai đoạn 2000 – 2010, nhưng với doanh thu đạt hơn 3.000 tỷ, Công ty vẫn khẳng

định vị thế dẫn đầu so với các doanh nghiệp cùng ngành. Trong cơ cấu doanh thu, thành phẩm hàng hóa qua các năm 2011-2012 (các sản phẩm cáp điện, dây điện...) chiếm phần lớn tỷ trọng (bình quân chiếm hơn 90% tổng giá trị doanh thu thuần). Trong 06 tháng đầu năm 2013, khoản mục này cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty với 78,53%.

7.1.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Biểu đồ 06: Cơ cấu lợi nhuận gộp



Nguồn: CADIVI

Qua các năm, nhóm hàng hóa, thành phẩm đóng vai trò chủ lực trong cơ cấu giá trị lợi nhuận gộp của Công ty.



7.2. Nguyên vật liệu

7.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính của Công ty là Đồng, Nhôm và Hạt nhựa. Để đảm bảo chất lượng đầu ra, nguyên vật liệu của CADIVI luôn đạt tiêu chuẩn, có uy tín trong và ngoài nước.

Bảng 04: Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu:

STT	NHÀ CUNG CẤP	XUẤT XỨ	NGUYÊN VẬT LIỆU
1	RMM METALLHANDEL GMBH	GERMANY	ĐỒNG CATHODE
2	CÔNG TY DÂY ĐỒNG VIỆT NAM CFT	VIỆT NAM	ĐỒNG ROD 8mm
3	HOPES ECOTRADE INTERNATIONAL GROUP		DÂY THÉP TRẮNG KẼM
4	DEAWOO INT'L	KOREA	NHÔM THỎI
5	SUMITOMO CORP. ASIA PTE	SINGAPORE	
6	SILVER AGE	CHINA	NHỰA PVC
7	TEP CO.	VIỆT NAM	
8	3H CORP.	KOREA	NHỰA XLPE
9	BOROUGE	SINGAPORE	
10	CHEMTECH	VIỆT NAM	
11	SUNLANE	TAIWAN	NGUYÊN VẬT LIỆU PHỤ KHÁC
12	TSC	KOREA	

Nguồn: CADIVI

7.2.2. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nhằm duy trì chất lượng sản phẩm đầu ra, Công ty đặc biệt coi trọng chất lượng nguồn cung, thời gian giao hàng. Trong thời gian qua, Công ty luôn nỗ lực duy trì mối quan hệ tốt với các đối tác tin cậy, đảm bảo cung cấp nguồn nguyên vật liệu ổn định với giá cả cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty cũng xúc tiến các hoạt động liên kết, hợp tác trong việc sản xuất đồng, nhôm, nhựa để chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

7.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu lên doanh thu, lợi nhuận của Công ty

Bảng 05: Tỷ trọng nguyên vật liệu so với giá thành sản phẩm

Nguyên vật liệu	Tỷ trọng trong giá thành		
	Năm 2011	Năm 2012	6 tháng đầu năm 2013
Đồng	77%	74%	75%
Nhôm	8%	10%	8%
Hạt nhựa	9%	8%	8%
Tổng	94%	92%	91%

Nguồn: CADIVI

Bảng số liệu cho thấy nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm (bình quân chiếm trên 90% giá thành sản phẩm trong các kỳ hoạt động). Do vậy, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty rất yếu bị ảnh hưởng rất lớn từ diễn biến giá cả nguyên vật liệu. Thời gian qua, giá nguyên vật liệu để sản xuất dây cáp điện (đồng, nhôm) biến động mạnh cũng đã tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm vào đó, nhiều nguyên vật liệu của Công ty là ngoại nhập nên biến động tỷ giá cũng là một yếu tố ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của CADIVI.

7.3. Cơ cấu chi phí

Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn được Ban lãnh đạo hết sức chú trọng. Công ty luôn coi quản trị tài chính, quản lý chi phí tốt là mục tiêu hướng đến lâu dài để có thể kiểm soát chi phí chặt chẽ và ít hao phí nhất.

Bảng 06: Cơ cấu chi phí

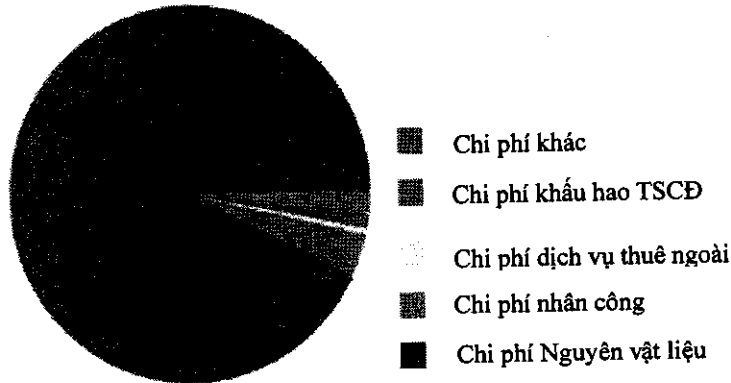
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		6 tháng đầu năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT
Giá vốn hàng bán	2.753.280	86,72%	3.011.772	88,73%	1.885.579	91,95%
Chi phí tài chính	84.999	2,68%	75.405	2,22%	34.249	1,67%
Chi phí bán hàng	55.420	1,75%	45.388	1,34%	25.879	1,26%
Chi phí quản lý DN	100.924	3,18%	99.035	2,92%	38.036	1,86%
Chi phí khác	2.045	0,06%	57	0,00%	490	0,02%
TỔNG CỘNG	2.996.668	94%	3.231.657	95,21%	1.984.233	96,76%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Với đặc thù ngành sản xuất dây và cáp điện, giá vốn hàng bán (chủ yếu là giá trị nguyên vật liệu) luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp.

Biểu đồ 07: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố



Trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, chi phí nguyên vật liệu cũng là yếu tố chiếm tỷ trọng cao hơn cả (hơn 90% qua các năm). Do đó, bất cứ biến động tăng/giảm nào đối với giá cả đầu vào nguyên vật liệu đều kéo theo biến động kết quả kinh doanh của CADIVI. Số liệu Bảng 07 dưới đây cho thấy thường xuyên có nhiều biến động tăng/giảm giá nguyên vật liệu trong đó giá đồng và hạt nhựa biến động mạnh nhất (43% đối với băng đồng, 17% đối với hạt nhựa 75C, SA88, 89, 25C).

Bảng 07: Biến động giá một số nguyên vật liệu chính

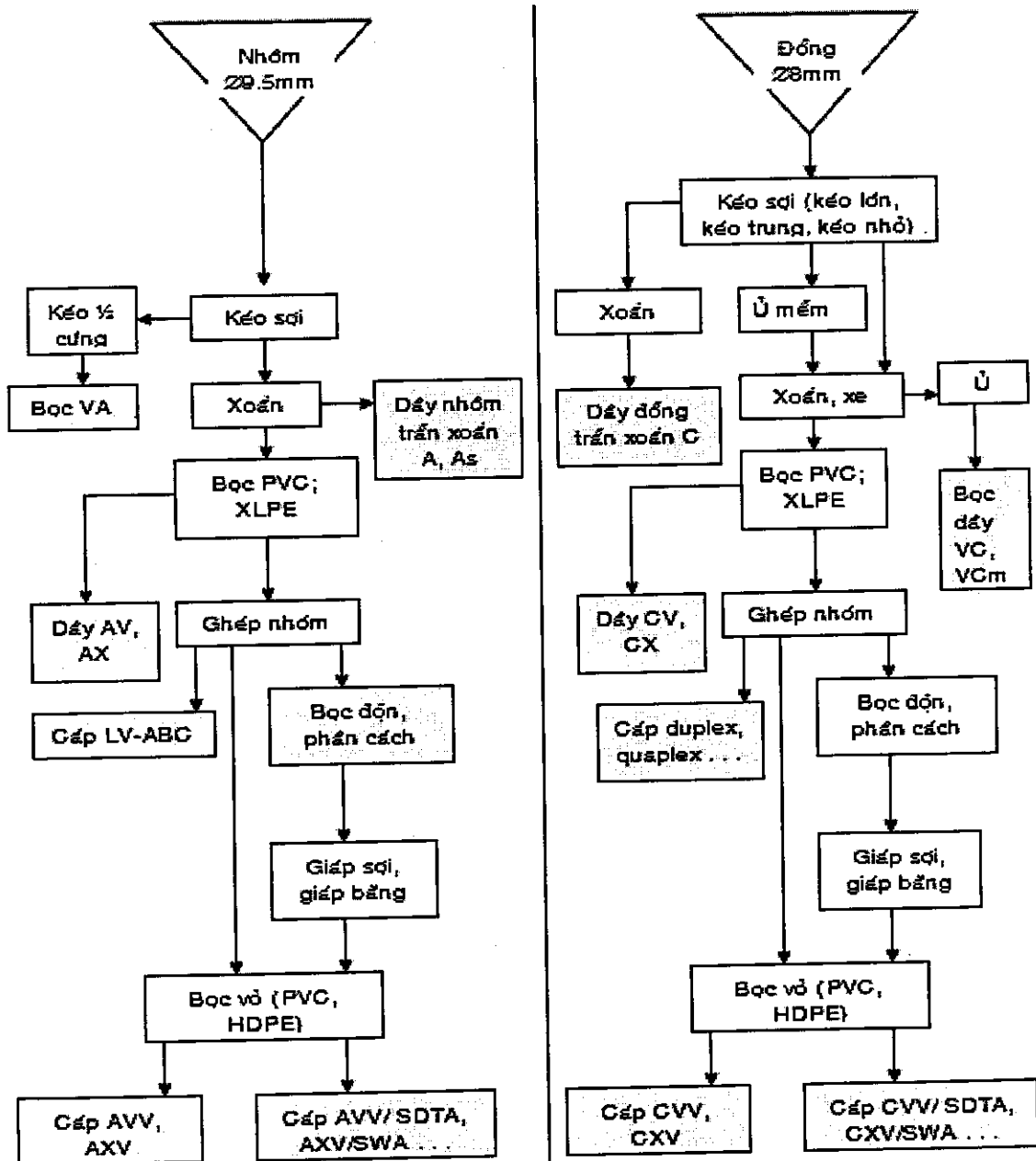
Nguyên liệu	2009	2010		2011		2012	
		Đơn giá	Tỷ lệ tăng	Đơn giá	Tỷ lệ tăng	Đơn giá	Tỷ lệ tăng
Dây đồng F8	117.100	162.000	38%	179.420	11%	176.660	(2%)
Dây nhôm P 9,5	37.480	49.540	32%	57.610	16%	54.750	(5%)
Hạt nhựa NANKAN 725, 730, 740, 811, 812, 825, 830, 833	24.730	30.640	24%	30.640	0%	33.690	10%
Hạt nhựa NANKAN 905, 929, 930	21.000	21.470	2%	37.770	76%	40.060	6%
Hạt nhựa 75C, SA88, 89, 25C	23.590	27.220	15%	28.650	5%	33.530	17%
Hạt nhựa 75C SA78, 79, 40C	23.650	24.510	4%	32.980	35%	35.370	7%
Hạt nhựa 40P-90C	0			32.350		30.840	(5%)
Băng Nhôm	56.980	62.180	9%	65.070	5%	69.470	7%
Băng Thép	21.730	20.980	-3%	24.050	15%	25.610	6%
Băng đồng	128.600	144.680	13%	154.000	6%	220.150	43%
Dây thép mạ kẽm	16.040	16.760	4%	21.830	30%	26.320	21%
Bột PVC	17.050	20.440	20%	22.920	12%	22.340	(3%)
Dầu DOP	26.570	39.020	47%	44.310	14%	43.360	(2%)
XLPE	29.630	31.120	5%	48.400	56%	47.940	(1%)

Nguồn: CADIVI

7.4. Trình độ công nghệ

Trong thời gian qua Công ty đã đầu tư kịp thời vào công tác phát triển kỹ thuật công nghệ nhằm rút ngắn công nghệ, hạ giá thành, đảm bảo cho ra những sản phẩm chất lượng, đáp ứng nhu cầu cao nhất của khách hàng.

Biểu đồ 08: Sơ đồ quy trình công nghệ tổng quát



Nguồn: CADIVI



CADIVI đã từng bước kết hợp cải tiến với đầu tư chọn lọc, đổi mới dây chuyền thiết bị đồng bộ, theo hướng rút ngắn công nghệ, hiện đại hóa qua hàng loạt các dự án như: Dự án Đầu tư thiết bị để chuyển đổi công nghệ, nâng cao năng lực và mở rộng sản xuất; Dự án Đầu tư thiết bị xây dựng nhà máy sản xuất dây điện ô tô; Dự án xây dựng nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thế, hạ thế và điện tử... Đồng thời trang bị thêm hàng loạt thiết bị công nghệ thế hệ mới sử dụng PLC cho hệ thống điều khiển tự động như máy tráng men; máy xoắn 18+24; máy xoắn cao tốc; máy xoắn xi gà; máy kéo trung ứ liên tục; máy kéo nhỏ; máy tạo hạt PVC; PK400, máy bọc thu cuộn và bao gói tự động...

Ngoài ra, hàng năm Công ty cũng áp dụng rất nhiều sáng kiến cải tiến có giá trị vào quá trình sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm cũng như uy tín doanh nghiệp.

7.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nhằm làm tăng lợi thế cạnh tranh của sản phẩm CADIVI trên thị trường dây và cáp điện, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Ban lãnh đạo Công ty ưu tiên và đặc biệt chú trọng. Công ty có chủ trương, chính sách bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quy trình sản xuất. Đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty được ưu tiên tiếp cận với thông tin công nghệ về ngành dây cáp điện thông qua đào tạo, tiếp xúc tại các cuộc triển lãm, hội chợ, hội thảo hoặc tham quan các nhà máy chế tạo dây cáp điện trong và ngoài nước, qua đó nắm bắt thông tin, học hỏi kinh nghiệm để phục vụ cho công tác nghiên cứu, chế tạo sản phẩm mới, làm phong phú danh mục sản phẩm của Công ty, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Song song đó, CADIVI cũng chú trọng vào việc đầu tư, nâng cấp dây chuyền sản xuất đạt ngang trình độ với các nước đang phát triển. Với chính sách nghiên cứu, phát triển sản phẩm đúng đắn, cho ra đời những sản phẩm có chất lượng cao, CADIVI đã được trao tặng nhiều giải thưởng, bằng khen về chất lượng, khoa học công nghệ như giải thưởng chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương năm 2009, chứng nhận về hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9002: 1994 do tổ chức AFAQ và QUACERT cấp năm 1998 và ISO 9001:2000 do tổ chức QUACERT cấp năm 2002, 2005 và các năm 2008, 2010, 2011.

Các dự án phát triển sản phẩm mới của CADIVI bao gồm: sản phẩm dây ô tô, dây điện tử; cáp điều khiển có màng chắn kim loại là sợi đồng; sợi đồng tráng thiếc, cáp Fire Alarm Cable; nhôm hợp kim; dây tráng men self-bonding; dây siêu nhiệt (dây nhôm lõi thép ACSS/TW, ACCR/TW, ACCC/TW . . .); busway, khí cụ điện đồng bộ; sợi đồng ROD công nghệ SCR; cáp cao thế 110 kV.

7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Với phương châm “Chất lượng sản phẩm là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty”, vấn đề kiểm soát chất lượng sản phẩm luôn được Công ty ưu tiên hàng đầu. Các sản phẩm của



CADIVI được sản xuất, thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam TCVN cũng như các tiêu chuẩn quốc tế thông dụng như IEC, ASTM, JIS, AS, BS, DIN, UL...

Mô hình cải tiến khép kín và liên tục: PDCA (Plan – Do – Check – Act) đã được CADIVI áp dụng trong việc xây dựng chiến lược cũng như quản lý sản xuất, kinh doanh, kiểm soát chất lượng.

Ngoài ra, Công ty còn áp dụng các hệ thống kiểm soát chất lượng: ISO 9000 kết hợp với 5S, hệ thống quản lý đồng bộ TQM...nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất, giảm lãng phí ngầm, rút ngắn thời gian giao hàng....

Qua mỗi giai đoạn cải tiến các hệ thống quản lý sản xuất, quản lý chất lượng thì hiệu quả hoạt động của Công ty không ngừng tăng cao, chất lượng sản phẩm ổn định, khẳng định được vị thế của CADIVI trước các đối thủ cạnh tranh.

7.7. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Trong các năm qua, Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam không đầu tư ngắn hạn. Đối với hoạt động đầu tư dài hạn, trong năm 2012 và Quý II.2013, Công ty không phát sinh thêm khoản đầu tư mới nào. Chi tiết các khoản mục đầu tư dài hạn của Công ty như sau:

Bảng 08: Giá trị đầu tư dài hạn ghi nhận vào cuối các kỳ

	31/12/2011		31/12/2012		30/06/2013	
	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Số lượng	Giá trị (VNĐ)
1. Đầu tư cổ phiếu						
CTCP Điện cơ	10.000	124.193.011	10.000	124.193.011	10.000	124.193.011
CTCP Vicosimex		260.000.000		260.000.000		260.000.000
CTCP Dây Cáp Điện Việt Thái	480.000	4.995.833.299	480.000	4.995.833.299	480.000	4.995.833.299
CTCP Công nghệ cao-Hitechco	77.500	1.057.011.301	77.500	1.057.011.301	77.500	1.057.011.301
CTCP Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
NHTM CP Ngoại thương	32.555	2.178.670.000	32.555	2.178.670.000	32.555	2.178.670.000



2. Đầu tư dài hạn khác						
Trường cao đẳng Công nghệ Hà Nội		500.000.000		500.000.000		500.000.000
Cộng		10.135.707.611		10.135.707.611		10.135.707.611

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, 2012 và BCTC Quý II.2013

* Đối với khoản mục đầu tư vào cổ phiếu VCB đang niêm yết nên có giá tham chiếu để làm cơ sở trích lập dự phòng. Các cổ phiếu còn lại là cổ phiếu OTC, Công ty không có bằng chứng về giá giao dịch các loại cổ phiếu này trên thị trường nên không có cơ sở trích lập dự phòng. Số trích lập dự phòng đến 30/06/2013 là : 1.267.130.000 đồng.

7.8. Hoạt động Marketing

✓ **Công tác thị trường:** Trong thời gian qua, với nền tảng phát triển là định hướng phát triển *thị trường nền*, Công ty đã và đang dần khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện hàng đầu Việt Nam. Ngoài thị trường trọng điểm là miền Nam, Công ty vẫn đẩy mạnh triển khai các chính sách để xâm lấn, mở rộng thị trường miền Trung, miền Bắc và Tây Nguyên.

Đối với thị trường xuất khẩu, CADIVI quán triệt chủ trương “giữ vững sân nhà để vươn ra sân người”, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước để tạo đà vươn ra thị trường quốc tế. Hiện tại, CADIVI đang đẩy mạnh hoạt động bán hàng sang thị trường Mỹ, Campuchia, xúc tiến tiếp cận thị trường Úc và Nhật Bản.

✓ **Công tác bán hàng:** CADIVI thường xuyên cập nhật chính sách bán hàng theo định hướng “thỏa mãn tối đa yêu cầu khách hàng”, ưu tiên phát triển khu vực miền Trung, Bắc, vùng sâu, vùng xa đẩy mạnh lực lượng giám sát bán hàng ở những khu vực bán hàng trọng điểm.

✓ **Hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại:** Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ lớn trong nước như: Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong nhiều năm liền, đồng thời tích cực tham gia các triển lãm khu vực và quốc tế như: Hội chợ Hàng Việt Nam tại Myanmar, Hội chợ thương mại Việt – Lào... nhằm quảng bá thương hiệu sản phẩm và đưa sản phẩm tiếp cận sâu hơn với người tiêu dùng.

✓ **Hệ thống phân phối:** Công ty đã xây dựng được một hệ thống phân phối với gần 200 đại lý trải rộng khắp trên toàn quốc. Hệ thống phân phối này đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng trên khắp lãnh thổ Việt Nam.



7.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại

CADIVI®

Quyết định số

84900

Ngày cấp

24/7/2007

Cơ quan cấp

Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam

Logo Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam



Quyết định số

703

Ngày cấp

26/12/1986

Cơ quan cấp

Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam



7.10. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 09: Các hợp đồng lớn đang thực hiện

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	NGÀY KÝ	SỐ HỢP ĐỒNG	Sản phẩm	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG		TÌNH TRẠNG HỢP ĐỒNG
					VND	USD	
1	CÔNG TY ĐIỆN LỰC HỌC MÔN	25/02/2013	1180	Cáp	5.347.342.000		Đang thực hiện
2	CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH	04/3/2013	1477	Cáp	1.646.331.500		Đang thực hiện
3	CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH	4/3/2013	1478	Cáp	1.410.200.000		Đang thực hiện
4	CÔNG TY ĐL SÀI GÒN	18/1/2013	640/2013	Cáp	8.080.099.093		Đang thực hiện
5	CÔNG TY ĐL BẾN TRE	27/2/2013	542	Cáp	1.924.524.800		Đang thực hiện
6	TCT ĐL MIỀN BẮC	21/2/2013	PL Điện Biên-Lai Châu	Cáp		210.905.80	Đang thực hiện
		01/04/2013	KFW - Nghệ An	Cáp		3.353.717.00	Đang thực hiện
			KFW - Bắc Giang	Cáp		1.538.656.00	Đang thực hiện
7	BAN QLDA LƯỚI ĐIỆN-NPC	27/03/2013	DEP1-110-G03	Cáp		989.811.44	Đang thực hiện
		15/1/2013	25-Vân Đồn	Cáp	10.784.909.901		Đang thực hiện
		15/1/2013	26-Cẩm Phả	Cáp	7.431.744.953		Đang thực hiện
8	BAN QLDACTĐ MIỀN TRUNG	28/1/2013	01/2013 Sơn Hà-Dốc sỏi	Cáp	24.829.440.709		Đang thực hiện

Nguồn: CADIVI



8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến 30/6/2013

8.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 10: Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% Tăng giảm	6 tháng đầu năm 2013
1	Tổng giá trị tài sản	1.274.797	1.569.448	23,11%	1.655.166
2	Doanh thu thuần	3.175.022	3.394.378	6,91%	2.050.722
3	Lợi nhuận từ HĐKD	199.449	164.775	(17,38%)	68.516
4	Lợi nhuận khác	3.457	1.765	(48,93%)	(395)
5	Lợi nhuận trước thuế	202.906	166.541	(17,92%)	68.121
6	Lợi nhuận sau thuế	151.296	124.261	(17,87%)	51.091
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	88,81%	60,26%	(32,15%)	-

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Qua hơn 38 năm hình thành và phát triển, thương hiệu CADIVI đã, đang khẳng định và củng cố vững chắc vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành, nhận được nhiều sự tin tưởng, ủng hộ của người tiêu dùng, đối tác cũng như các nhà đầu tư.
- Qua những dự báo, nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô, và những nghiên cứu thực tế về thị trường, Công ty luôn xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, hợp lý cho từng giai đoạn như chiến lược “thị trường nền” hay “giữ vững sân nhà để vươn ra sân người”..., đồng thời chủ động linh hoạt để điều chỉnh cơ cấu thị trường.
- Công ty có mạng lưới đại lý rộng khắp cả nước, luôn duy trì mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp nguyên vật liệu.
- Năng lực sản xuất của Công ty ngày càng tăng; đặc biệt thương vụ mua lại thành công cơ sở vật chất của Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn giúp CADIVI tăng khả năng đáp ứng thị trường nội địa cũng như xuất khẩu.



- Ban lãnh đạo Công ty là những người giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn vững chắc, cũng như tinh thần trách nhiệm cao; cùng với các cán bộ công nhân viên lành nghề, có phẩm chất tốt là một điểm mạnh giúp CADIVI gạt hái được nhiều thành công trong thời gian qua.

❖ **Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không thể tránh khỏi những khó khăn của nền kinh tế nói chung và các thách thức đặc thù của ngành nói riêng.

- Tình hình kinh tế thế giới vẫn gặp nhiều khó khăn với tình hình nợ công ở Châu Âu và Châu Mỹ, ảnh hưởng đến các đơn hàng xuất khẩu của CADIVI.

- Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2012 gặp nhiều khó khăn hơn so với năm 2011 bởi những bất ổn vĩ mô, sức mua giảm sút, tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và CADIVI nói riêng.

- Giá cả vật tư chủ yếu cho sản xuất dây và cáp điện diễn biến phức tạp; giá kim loại màu biến động rất khó lường.

- Trong khi thị trường bất động sản vẫn ở trong tình trạng đóng băng, dẫn đến nhu cầu dây cáp điện giảm, ảnh hưởng đến doanh số bán hàng của Công ty thì sự gia tăng số lượng doanh nghiệp mới càng làm tăng thêm tính cạnh tranh trong ngành dây và cáp điện.

- Hiện nay, bên cạnh việc tiếp tục triển khai các dự án đầu tư lớn, Công ty còn tổ chức và kinh doanh đồng Ø8, theo đó, nhu cầu vốn của Công ty sẽ rất cao, tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế chưa hết khủng hoảng, lãi vay vẫn còn ở mức cao là trở ngại lớn đối với CADIVI.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trải qua thời gian khá dài hình thành và phát triển, CADIVI tự hào đã xây dựng và giữ vững được thế “độc tôn” dẫn đầu trong các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dây cáp điện cho thị trường trong nước cũng như quốc tế. Sản phẩm dây cáp điện của Công ty có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước nhờ mạng lưới đại lý và kênh phân phối rộng khắp. Nhờ nguồn tiêu thụ ổn định, các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty đều được hoàn thành, đời sống người lao động được đảm bảo với mức thu nhập bình quân hợp lý.

❖ **Quy mô, năng lực và công nghệ sản xuất**

Hiện tại, công suất sản xuất của Công ty đạt 12.000 tấn đồng/năm, 5.000 tấn nhôm/năm, 6.000 tấn nhựa/năm... Với giá trị sản xuất công nghiệp của CADIVI liên tục tăng đều qua các năm, CADIVI được đánh giá là đơn vị dẫn đầu về mức tăng trưởng trong toàn ngành dây cáp điện.

CADIVI là doanh nghiệp được đầu tư sản xuất tốt với các thiết bị sản xuất thuộc thế hệ mới nhất, hàng đầu từ châu Âu, châu Mỹ. Trong năm 2012, Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy



sản xuất cáp ngầm trung thế, hạ thế và dây điện tử tại KCN Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. HCM, với tổng mức đầu tư trên 200 tỷ đồng. Nhà máy được xây dựng để đáp ứng cho nhu cầu ngầm hóa lưới điện, dự kiến đến năm 2020 lưới điện tại các thành phố lớn trong cả nước phải được ngầm hóa từ 70%-90%. Nhà máy được đầu tư trang bị công nghệ sản xuất cáp ngầm trung thế tiên tiến trên thế giới của Công ty Troester (Đức) với phương pháp lưu hóa liên tục (CCV Line). Ngoài đầu tư xây dựng mới, các xí nghiệp thành viên Công ty còn trang bị mới nhiều thiết bị để sản xuất thêm sản phẩm mới, nâng cao năng suất sản xuất.

Với hướng đầu tư đúng đắn tập trung vào việc liên tục nâng cao trình độ công nghệ sản xuất nên CADIVI sản xuất được các sản phẩm phức tạp đáp ứng được nhu cầu của thị trường thay thế cho các sản phẩm ngoại nhập như: Cáp ngầm trung thế; cáp chống thấm, cáp chống cháy, cáp có tiết diện lớn, dây điện tử làm việc ở nhiệt độ cao... Không chỉ nổi bật ở thị trường trong nước mà Chất lượng sản phẩm của CADIVI còn đạt các yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc tế như JIS, IEC, UL, BS, AS, ASTM, DIN...

❖ **Thương hiệu CADIVI**

Trên thị trường hiện nay, CADIVI đã trở thành một thương hiệu chủ lực trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. CADIVI là một trong 25 thương hiệu lần thứ 3 liên tiếp được nhận giải thưởng hiệu quốc gia Việt Nam.

Chất lượng sản phẩm, uy tín thương hiệu dây cáp điện CADIVI ngày càng được nâng cao ở thị trường trong nước và quốc tế, thể hiện qua việc Công ty đã đạt nhiều danh hiệu như Hàng Việt Nam Chất lượng cao liên tục 17 năm liền, Top 10 Giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương (IAPQA) 2009 ở cấp độ World Class dành cho doanh nghiệp sản xuất lớn vào năm 2009...

❖ **Năng lực tài chính thể hiện rõ nét vị thế cạnh tranh của CADIVI trước những đối thủ cạnh tranh trong ngành**

Bảng 11: Năng lực tài chính của CADIVI so với một số doanh nghiệp trong ngành

	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>			
	Tổng tài sản	Vốn CSH	DTT	LNST
CTCP Dây cáp điện Việt Nam	1.569.447	398.086	3.394.377	124.260
CTCP Dây và cáp điện Taya Việt Nam	633.817	277.721	912.727	34.371
CTCP Cáp nhựa Vĩnh Khánh	454.316	165.351	742.445	10.497
CTCP Ngô Han	788.398	274.541	1.639.968	30.657

Nguồn: FPTS cập nhật BCTC kiểm toán 2012 của một số doanh nghiệp niêm yết



Bảng số liệu trên cho thấy sự vượt trội của năng lực tài chính CADIVI trước một số đối thủ cạnh tranh trong ngành. Với năng lực tài chính mạnh như vậy, khả năng đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của Công ty sẽ gặp nhiều thuận lợi, giúp CADIVI có hồ sơ năng lực nổi bật trong các hoạt động đấu thầu các công trình điện lưới, các hợp đồng lớn trong và ngoài nước.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nước ta vẫn đang trong công cuộc Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước, nhu cầu về điện năng sử dụng và mạng lưới truyền tải, phân phối năng lượng điện nhằm cung cấp cho các hoạt động sản xuất công nghiệp là một nhu cầu thiết yếu và luôn được chú trọng. Nhu cầu về dây và cáp điện để xây dựng mạng lưới truyền tải điện được dự báo sẽ còn tăng trưởng nhanh trong những năm tới. Điều này được thể hiện rõ trong kế hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện giai đoạn 2015 - 2025: ngành thiết bị điện sẽ phải phát triển để đáp ứng 70% nhu cầu trong nước về thiết bị đường dây, trạm biến áp; 55% về động cơ điện, một số chủng loại máy phát điện thông dụng và năm 2025 có thể sản xuất, cung ứng trọn bộ thiết bị điện cho các công trình đường dây điện, trạm biến áp; 50-60% nhu cầu máy biến thế 110-220KV và năm 2015 xuất khẩu đạt 30-35% giá trị sản xuất; đáp ứng 60-70% nhu cầu trong nước các loại công tơ điện, khí cụ điện, các hệ thống ghi đếm - giám sát an toàn lưới điện, trọn bộ thiết bị trạm điện, và xuất khẩu đạt 19-20% giá trị sản xuất; tập trung sản xuất các loại dây - cáp điện chất lượng cao với kim ngạch xuất khẩu tăng 35,5%/năm... Bên cạnh đó, kế hoạch cũng nhấn mạnh những khu vực như vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo... là những thị trường tiềm năng cho ngành sản xuất thiết bị điện, thiết bị cho công nghiệp tái tạo, thiết bị cho sản xuất điện công nghiệp sạch... Thị trường xuất khẩu cũng đang được đánh giá là mở ra nhiều cơ hội thâm nhập cho các doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện. Bên cạnh các thị trường truyền thống thì Lào và Campuchia đang được coi là các thị trường cần được tập trung khai thác. Theo số liệu gần đây, công suất lắp đặt của Lào hiện đang đạt 1.826MW trong khi tiềm năng thủy điện đến 23.000MW, tương tự Campuchia cũng có tiềm năng thủy điện đạt 10.000MW trong đó quy mô thủy điện lớn khoảng 89%, quy mô trung bình đạt 82,53%, quy mô nhỏ đạt 9,31%. Sự hợp tác giữa Việt Nam và Lào qua các cam kết ghi nhớ đang mở ra nhiều cơ hội thâm nhập thị trường cho các doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện Việt Nam.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, ĐHCĐ đã nhất trí thông qua chiến lược phát triển giai đoạn 2012 – 2017, tầm nhìn đến 2020 với mục tiêu chính là đưa CADIVI trở thành nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Để đảm bảo thực hiện được kế hoạch, mục tiêu đã đề ra, CADIVI đã có chiến lược rõ ràng, giải pháp chiến lược cụ thể:

✓ **Chiến lược thị trường:** đối với trong nước, Công ty tập trung nguồn lực để phát triển thị trường dự án, các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và điện lực. Đối với xuất khẩu,



CADIVI tiếp tục công tác phát triển thị trường xuất khẩu hiện tại, xúc tiến tiếp cận các thị trường mới trong khu vực và trên thế giới.

✓ *Chiến lược sản phẩm:* Công ty sẽ thực hiện đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở giữ vững sản phẩm truyền thống, phát triển sản phẩm dây cáp điện kỹ thuật cao như dây điện từ cao cấp, dây cáp điện đặc biệt, cáp điện trung, cao thế đến 110KV, dây điện siêu nhiệt busway; phát triển sợi đồng Rod vừa để cung cấp nguyên liệu cho sản xuất dây cáp vừa cung cấp cho thị trường; phát triển nhóm sản phẩm thiết bị điện để đồng bộ hóa với sản phẩm dây cáp điện...

✓ *Chiến lược kỹ thuật công nghệ:* từng bước trang bị mới các thiết bị, cải tiến theo hướng rút ngắn công nghệ, tự động hóa nhằm nâng cao năng lực sản xuất, giảm tiêu hao năng lượng.

✓ *Chiến lược chất lượng sản phẩm:* Quản lý chặt chẽ hơn công tác kiểm soát từ khâu đầu vào; nâng cao chất lượng đo kiểm của các phòng thử nghiệm, áp dụng những hệ thống và tiêu chuẩn kỹ thuật mới như LEAN, Sigma...

Bên cạnh đó, Công ty cũng đặt ra các chỉ tiêu cơ bản như tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận bình quân 15-20%/năm, đặt mục tiêu đến năm 2017 đạt doanh thu 8.000 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 15.000 tỷ đồng; Công suất sản xuất nâng lên 60.000 tấn sản phẩm đồng/ năm, 30.000 tấn sản phẩm nhôm/ năm, 20.000 tấn nhựa/ năm; có nhà máy sản xuất tại cả 3 miền Bắc, Trung, Nam đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.

Qua đó có thể thấy chiến lược, định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với chính sách, đường lối phát triển theo hướng Công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước cũng như hướng đến đáp ứng nhu cầu của các nước trong khu vực và trên toàn thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu lao động

Lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2012: 1.070 người

Trong đó:

- Trên đại học: 6
- Đại học: 204
- Cao đẳng: 34
- Trung cấp: 232
- Sơ cấp: 594

10.2. Chế độ, chính sách đối với người lao động

❖ Chính sách đào tạo:

Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Hằng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho cán bộ công nhân viên và triển khai thực hiện một cách nghiêm túc. Hoạt động đào tạo của Công ty gồm có:

- Đào tạo nhân viên mới với mục đích để nhân viên mới nhanh chóng hòa nhập với công



việc và môi trường làm việc của Công ty. Giới thiệu về Công ty và sản phẩm của Công ty, thỏa ước, nội quy và an toàn lao động, chức năng nhiệm vụ theo mô tả công việc của từng người, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.

- Đào tạo, huấn luyện cán bộ quản lý: Giám đốc điều hành, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc nhân sự, các bậc quản lý cấp trung, quản đốc, tổ trưởng sản xuất...

- Đào tạo, huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ giao tiếp khách hàng, bán hàng, quản lý kho, kiểm tra chất lượng...

- Đào tạo nghề cho công nhân mới, đào tạo nhắc lại và đào tạo về công nghệ mới cho công nhân cũ...

- Huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu, cấp cứu

❖ Chính sách tiền lương, thưởng:

Công ty xây dựng quy chế trả lương, thưởng, hệ thống thang bảng lương và phụ cấp riêng phù hợp với đặc thù của ngành nghề hoạt động, đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước, tương xứng với trình độ, năng lực, công việc và mức độ đóng góp của từng người. Qua đó, tạo được sự động viên, khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc hăng say, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty trả lương cho cán bộ công nhân viên theo đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm sản xuất ra và tiêu thụ trong tháng, quý, năm, trên cơ sở đánh giá, giá trị công việc của từng vị trí và đánh giá kết quả công việc của từng ngành trong tháng.

❖ Các chế độ bảo hiểm bắt buộc, cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, nội quy lao động. Hằng năm tổ chức, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên và gia đình đi nghỉ mát, tổ chức tập luyện, thi đấu thể thao nhằm rèn luyện sức khỏe và nâng cao tinh thần đoàn kết tập thể.

Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn con người cho 100% cán bộ công nhân viên nhằm hỗ trợ phần nào chi phí điều trị cũng như suy giảm khả năng lao động của cán bộ công nhân viên khi có rủi ro xảy ra.

Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ công nhân viên để phát hiện sớm bệnh lý từ đó kịp thời chăm sóc và điều trị. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng chế độ hỗ trợ cho cán bộ công nhân viên bị bệnh phải điều trị dài hạn, cán bộ công nhân viên hưu trí (nguồn tiền trích từ quỹ tiền lương được tập thể người lao động trong Công ty nhất trí đóng góp hỗ trợ, quỹ phúc lợi khác)...

Công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy luôn được Ban Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm, chú trọng thông qua việc thành lập riêng Hội đồng Bảo hộ lao động.



11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật, mức cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

- Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất.
- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào khoảng Quý IV hàng năm nếu Hội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.

Tình hình chia cổ tức của Công ty qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	KH 2013	KH 2014
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	70%	30%	30%	30%
Hình thức	- Tiền mặt 40% - Trả cổ tức bằng cổ phiếu 30%	Tiền mặt	-	-

Nguồn: CADIVI

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- ❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Báo cáo vốn điều lệ

Bảng 12: Vốn điều lệ qua các năm

ĐVT: VNĐ

STT	Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Vốn điều lệ
1	GCN ĐKKD đăng ký lần đầu số: 4103007511	08/08/2007	160.000.000.000
2	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 1 số: 0300381564	06/12/2010	192.000.000.000



3	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 2 số: 0300381564	11/09/2012	249.599.920.000
---	--	------------	-----------------

Nguồn: CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Từ khi thành lập đến nay, CADIVI đã trải qua hai lần thay đổi vốn điều lệ. Ngày 06/12/2010 Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lần thứ nhất với tổng giá trị đợt phát hành là 32 tỷ đồng nâng vốn điều lệ của Công ty lên 192 tỷ đồng. Năm 2012, từ 192 tỷ đồng, Công ty nâng vốn điều lệ của Công ty lên 249,599 tỷ đồng. Vốn điều lệ được Công ty sử dụng vào đầu tư tài sản và một phần dùng làm vốn lưu động cho Công ty.

Báo cáo tình hình vốn kinh doanh

Bảng 13: Vốn kinh doanh qua các năm

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	192.000	249.600	249.600
2	Thặng dư vốn cổ phần	24.034	24.034	24.034
3	Quỹ đầu tư phát triển	8.839	16.404	22.617
4	Quỹ dự phòng tài chính	17.187	32.317	38.529
5	LNST chưa phân phối	137.484	75.732	75.146
Tổng cộng		379.544	398.086	409.926

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối (nguồn quỹ dự phòng tài chính Công ty không dùng để kinh doanh mà để dự phòng tài chính).

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Đối với tài sản cố định hữu hình

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:

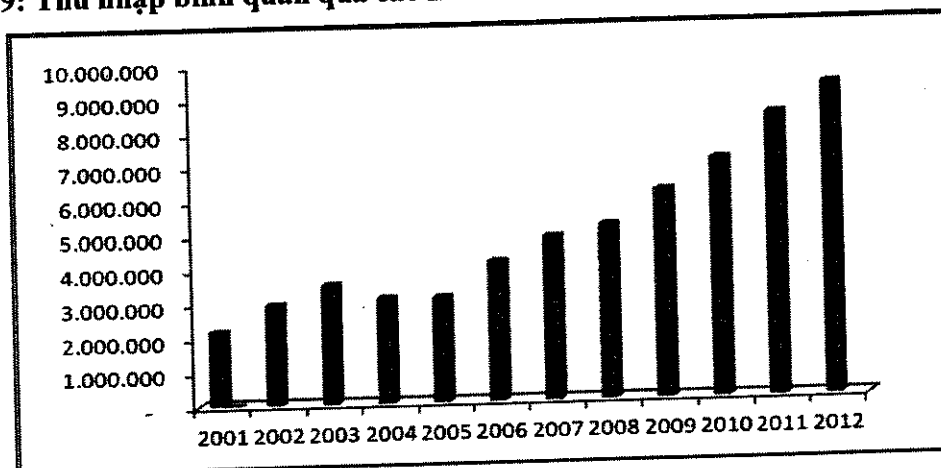
Bảng 14: Thời gian khấu hao TSCĐ

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	08 năm
Thiết bị văn phòng	05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Đối với tài sản cố định vô hình: Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm

❖ **Thu nhập bình quân:**

Biểu đồ 09: Thu nhập bình quân qua các năm



Nguồn: CADIVI

Từ biểu đồ thông tin 09 cho thấy thu nhập bình quân của CBCNV CADIVI tăng đều qua các năm. Năm 2012, mức thu nhập bình quân của CBCNV Công ty đạt: 9.349.000 đồng/người/tháng. Kế hoạch sang năm 2013, mức thu nhập bình quân sẽ tăng lên 9.454.000 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp cùng ngành thì đây là một mức thu nhập khá cạnh tranh.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn. CADIVI hiện không có các khoản nợ phải thanh toán quá hạn nào.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Tình hình nghĩa vụ đối với nhà nước đã thực hiện trong các năm



Bảng 15: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

ĐVT: VNĐ

STT	Chi tiêu	Năm 2011	Năm 2012	6 tháng đầu năm 2013
1	Thuế GTGT	24.248.373.152	7.846.032.265	10.311.982.330
2	Thuế xuất, nhập khẩu	926.937.679	1.531.647.874	1.522.029.903
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.144.157.718	59.103.979.444	6.505.601.247
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.647.400.245	7.397.381.327	5.716.089.465
5	Các loại thuế khác			621.488.165
	Tổng cộng	75.966.868.794	75.879.040.910	24.677.191.110

Nguồn: CADIVI

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước và cơ quan thuế. Công ty thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ theo luật định. Các loại thuế khác Công ty đã kê khai và nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty tiến hành trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Tỷ lệ trích lập các Quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tình hình số dư các quỹ vào cuối năm 2011, năm 2012, và 30/06/2013 như sau:

Bảng 16: Số dư các quỹ

ĐVT: VNĐ

STT	Chi tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
1	Quỹ dự phòng tài chính	17.186.951.776	32.316.531.472	38.529.576.825
2	Quỹ đầu tư phát triển	8.839.120.178	16.403.910.026	22.616.955.379
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.003.525.558	6.352.022.272	11.319.665.985

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC Quý II năm 2013



❖ Tổng dư nợ vay

Bảng 17: Dư nợ vay

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Vay và nợ vay ngắn hạn	<u>273.862.811.357</u>	<u>450.863.440.604</u>	<u>579.782.332.564</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>			
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – SGD 1	-	88.435.764.017	63.164.042.650
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam Tp.HCM	35.210.000.000	33.130.270.403	86.349.585.168
- Ngân hàng HSBC	161.169.487.373	129.279.961.300	263.190.513.124
- Tổng Công ty CP thiết bị điện VN	45.000.000.000	95.000.000.000	95.000.000.000
- Ngân hàng Công thương Việt Nam –SGD 2	-	25.000.000.000	-
- Ngân hàng TM Chinatrust	29.180.000.000	62.409.145.900	62.357.488.186
- Tiền VNĐ vay NH VN Thịnh Vượng	-	-	979.000.000
- Tiền VNĐ vay NH Quốc Tế	-	-	341.042.130
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>			
- NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam–SGD1			
VNĐ	2.290.500.000	2.407.475.000	800.225.000
USD	1.012.823.984	1.012.823.984	506.436.306
- Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	-	14.188.000.000	7.094.000.000
Vay và nợ vay dài hạn	<u>46.217.721.511</u>	<u>58.022.039.422</u>	<u>58.042.104.082</u>
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam			
VNĐ	1.717.875.000	-	-
USD	2.279.208.040	1.265.350.422	1.285.415.082
- Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	42.220.638.471	56.756.689.000	56.756.689.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013



❖ Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 18: Các khoản phải thu

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Phải thu của khách hàng	344.593.897.944	540.754.235.187	602.228.936.630
Trả trước cho người bán	23.676.127.182	10.473.018.046	20.520.003.483
Các khoản phải thu khác	3.452.650.356	504.925.822	3.531.582.950
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.779.785.829)	(4.837.478.345)	(10.588.931.579)
Tổng cộng	369.942.889.653	546.894.700.710	615.691.591.484

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC Quý II năm 2013

Bảng 19: Số dư các khoản phải thu khách hàng vào ngày 30/06/2013

ĐVT: VNĐ

STT	DANH SÁCH KHÁCH HÀNG	SỐ DƯ
XN TÂN Á		
1	CTY TNHH HOÀNG PHÚC BAN MÊ	3.445.806.859
2	CỬA HÀNG NGA VẠN ĐẠT	32.880.760
3	CTY TNHH CÔNG NGHIỆP HUY HÙNG	2.587.464
4	CTY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ÁNH QUANG	1.511.182.742
5	CTY TNHH BÌNH NGHIÊN	88.100.441
6	CTY CP ĐẦU TƯ SX TM-DV ĐỨC TƯỜNG PQ	28.330.609.302
7	CTY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY TP.HCM	2.675.382.779
8	CTY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY TP.HCM	28.591.200
9	CTY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY TP.HCM	4.510.705.827
10	CTY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY TP.HCM	276.871.442
11	CỬA HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN ĐẠNG	1.911.790.564
12	CTY TNHH TM DV XUÂN DŨNG	119.299.630
13	CTY TNHH DV TM TBĐ NƯỚC NGỌC TRUNG	50.333.541
14	CTY TNHH ITV TM PHƯỚC ĐỨC THÀNH	770.764.486
15	CTY TNHH TM DV HỒNG NGHĨA	2.062.687.616
16	CTY TNHH TM DỊCH VỤ TBĐ GIAO HOÀNG	8.567.870.118
17	CTY TNHH TM DV MINH HUÊ	1.841.293.397
18	CTY CỔ PHẦN TM ĐIỆN MÁY KIM BIÊN	7.289.837.791



19	CTY TM DV THIẾT BỊ ĐIỆN QUÝ DẦN	10.734.646.116
20	CTY TNHH TM DV KT ĐIỆN MINH THỦ	17.782.085
21	CTY TNHH KEN DO	2.421.749.324
22	CTY TNHH TM DV XÂY DỰNG TIẾN LỘC	27.493.884
23	CTY TNHH MTV TÂN TIẾN TÂN	43.884.284
24	CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MAI TIẾN PHÁT	7.585.754.586
25	CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ TƯỜNG	631.056.021
26	CTY CP ĐIỆN MÁY TÂY SÀI GÒN	2.334.394.223
27	CTY TNHH TM DV ĐIỆN HÙNG THUẬN	1.629.279.289
28	CTY CP ĐIỆN MÁY ĐÔNG SÀI GÒN	2.732.790.984
29	CTY TNHH TM DV ĐẦU TƯ TĐ HUẤN TRÌNH	46.505.566
30	CTY TNHH TM DV LẮP ĐẶT TĐ THUẬN PHÁT	4.925.027.324
31	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT ĐIỆN LAN HÙNG 67	5.028.428.328
32	CTY TNHH TM DV ĐIỆN TÂN MIỀN NAM	185.237.370
33	CTY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG THÁP KIM	3.450.480
34	CTY TNHH MTV NHẬT ANH	307.943.910
35	CTY TNHH XÂY LẬP SỐ 2	264.339.742
CỘNG		102.436.359.475

THÀNH MỸ

1	CTY TNHH TÂN THANH LỄ	60.000.000
2	CTY CP ĐTSX TMDV ĐỨC TƯỜNG PQ	608.454.260
3	CTY TNHH TM - DV MINH HUỆ	2.960.781.491
4	CTY CP ĐM TP.HCM - 897PVT	1.403.906.020
5	CTY CP ĐM TP.HCM - 186TTT	8.411.938.297
6	CTY CP ĐM TP.HCM (P.TMSX)	349.118.066
7	NGUYỄN HỮU THỌ	15.000.000
8	NGUYỄN NGÂN SƠN	16.223.731
9	CTY HOÀNG HUY	71.937.250
10	CTY TNHH TM-DV TĐ GIAO HOÀNG	9.110.027.932
11	CTY TNHH TMDV XUÂN DŨNG	248.794.336
12	CTY CP ĐM KIM BIÊN	28.831.794.263
13	CTY TNHH TMDV KTĐ LAN HÙNG 67	8.307.195.798
14	CTY TNHH MTV TM TÂN TIẾN TÂN	307.029.604
15	CTY TNHH TMDV VŨ TƯỜNG	405.641.390
16	CTY TNHH TMDV TĐ QUÝ DẦN	14.528.200.015
17	CTY CP ĐM TÂY SÀI GÒN	3.322.175.464
18	CTY DỆT PHONG PHÚ ĐL NHT	8.000.000



19	CTY VISSAN	415.228.000
CỘNG		79.381.445.917
LONG BIÊN		
1	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG PIC 7	9.504.000
2	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VIỆT NHẬT	745.866.000
3	CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ CẦN THƠ	876.029.110
4	CÔNG TY TNHH NHẬT LINH NHI	4.269.535
5	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VẬT TƯ THIBIDI	5.378.558.306
6	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐÔNG NAI	67.034.880
7	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH VÀNG	283.883.600
8	CTY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY TP HCM(CH GÒ VẤP)	1.245.718.184
9	CT CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY TP HCM - (CH 186)	5.784.934.262
10	CTY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY TP.HCM(P.KHKD XNK)	132.847.352
11	CÔNG TY TNHH TM - DV TRẦN KIẾN THÀNH	5.173.328
12	CÔNG TY TNHH TMDV MINH HUÊ	4.351.412.561
13	CTY TNHH TM -DV THIẾT BỊ ĐIỆN GIAO HOÀNG	1.676.919.043
14	CÔNG TY CỔ PHẦN TM ĐIỆN MÁY KIM BIÊN	14.051.435.277
15	CÔNG TY TNHH TM-DV-ĐT THIẾT BỊ ĐIỆN HUÂN TRINH	1.561.394.832
16	CÔNG TY TNHH TM DV XÂY DỰNG LÊ NGUYỄN THẢO	5.461.851
17	CT TNHH TM-DV-LẮP ĐẶT THIẾT BỊ ĐIỆN THUẬN PHÁT	12.283.463.644
18	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ TƯỜNG	519.396
19	CÔNG TY TNHH TM DV THIẾT BỊ ĐIỆN QUÝ DÀN	16.734.748.075
20	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY TÂY SÀI GÒN	3.490.492.536
21	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY ĐÔNG SÀI GÒN	418.675.910
22	CÔNG TY TNHH TM DV KỸ THUẬT ĐIỆN LAN HÙNG 67	18.828.733.171
23	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC	29.409.600
24	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HẢI HƯƠNG	13.304.500
CỘNG		87.979.788.953
CN MIỀN TRUNG		
1	CTY TNHH VẬT TƯ TB ĐIỆN ĐẠI ÁNH SÁNG(ĐẠI LÝ)	2.970.381.096
2	XN VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐÀ NẴNG(ĐẠI LÝ)	62.920.760
3	CTY TNHH TM-DV VÂN NGA (ĐẠI LÝ)	276.557.065
4	CTY TNHH TM LOAN THI (ĐẠI LÝ)	118.510.660
5	CTY TNHH NGUYỄN VIỆT (ĐẠI LÝ)	4.806.392.934
6	CTY TNHH SX & TM HOÀNG HÙNG (ĐẠI LÝ)	66.659.840
7	CTY TNHH XL-SX &TM ĐIỆN CƠ SDC (ĐẠI LÝ)	324.603.809



8	CTY TNHH VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐIỆN AN LAN (ĐẠI LÝ)	53.751.214
9	CTY TNHH TM-DV DŨNG HOÀNG PHÁT (ĐẠI LÝ)	35.869.645
10	CTY CP XD-TM THIẾT BỊ ĐIỆN TUẤN NGHĨA (ĐẠI LÝ)	125.925.772
11	CTY TNHH TM-DV BẢO CƯỜNG(ĐẠI LÝ)	2.135.608
12	CTY TNHH TM-DV-XL ĐIỆN THƯ DUNG (ĐẠI LÝ)	4.150.243.047
13	CTY TNHH HOÀNG VƯƠNG (ĐẠI LÝ)	1.447.148.839
14	CTY TNHH TM-DV ĐẠT TOÀN (ĐẠI LÝ)	57.038.488
15	CTY TNHH MINH ĐÔNG (ĐẠI LÝ)	326.365.066
16	CTY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN LONG NGÂN	18.576.117
17	CTY TNHH MTV TM-TH TÝ HOA (ĐẠI LÝ)	77.998.397
18	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ TBB TUYẾT CƯỜNG	475.265.843
19	DNTN ĐIỆN QUANG (ĐẠI LÝ)	198.141.430
20	DNTN TM-DV VIỆT QUANG (ĐẠI LÝ)	79.346.997
21	CTY TNHH MTV PHONG PHÚ (ĐẠI LÝ)	7.584.137
22	CTY TNHH MTV NGUỒN SÁNG (ĐẠI LÝ)	48.409.447
23	DNTN TM-DV HÙNG MINH (ĐẠI LÝ)	126.367.106
24	CTY TNHH TM-DV KIM SEN (ĐẠI LÝ)	244.104.365
25	CTY TNHH YẾN LINH	21.054.009
26	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ÁNH SÁNG(ĐẠI LÝ)	102.660.151
27	DN TƯ NHÂN THANH NGÂN (ĐẠI LÝ)	4.348.173.509
28	CÔNG TY CỔ PHẦN T.E.D	42.842.223
29	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BIÊN SÁNG	274.819.097
30	CÔNG TY TNHH TRUNG NGHĨA	279.616.122
31	CTY CỔ PHẦN HOÀNG PHÁP	175.390.645
32	CTY TNHH TM-DV NAM HUÂN	609.677.854
33	CÔNG TY TNHH SƠN UYÊN	171.103.458
34	CÔNG TY TNHH TM-DV ĐÔNG BÌNH	318.754.391
35	CTY COSEVCO 9	8.393.080
36	CTY TNHH MTV VẠN TÀI PHƯƠNG NAM VIỆT	14.821.966
37	CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾN PHÁT	14.196.458
	CÁC KHOẢN CHI NHÁNH CHƯA QUYẾT TOÁN VỚI CÔNG TY	3.762.688.763
	CỘNG	26.244.489.408
CN MIỀN BẮC		
1	CÔNG TY TNHH TM ĐM BÌNH MINH	2.265.431.212
2	CÔNG TY CP THIÊN XUN - LAM SƠN	1.245.134.945
3	CÔNG TY CP DV & TM TH VIỆT LONG	1.047.384.321



4	CÔNG TY TNHH TBĐ NGŨ PHÚC	50.083.000
5	CÔNG TY TNHH TM XD NAM SƠN	25.716.010
6	DNTN VY THUẬN	17.830.120
7	CN XD & CĐ CÔNG TRÌNH - TỔNG CÔNG TY VIWASEEN	80.000.000
8	CÔNG TY CP TM & DV HỒNG TRUNG	337.979.265
9	CÔNG TY CP KỸ THUẬT SEEN	331.276.524
10	CÔNG TY TNHH MTV ĐÔNG QUANG	813.560.138
11	CÔNG TY CP TMDV VÀ SX DUY KHÔI	489.225.692
12	CÔNG TY TNHH VIỆT HÀN	429.632.056
13	CÔNG TY CP DIỆP HẢI KIM	11.529.800
14	CÔNG TY CP TBĐ HÙNG PHÁT	6.422.660.139
15	CÔNG TY TNHH TM & XLĐ NHẬT LINH	149.106.612
16	CÔNG TY TNHH TM TH HỒNG ANH	152.159.691
17	CÔNG TY CP XNK VÀ DVTH NGHỆ AN	485.187.058
18	DNTN XN VLXD TƯ DOANH AN HẢI	513.504.032
19	CÔNG TY TNHH QUẾ HÀ	897.885.610
20	CÔNG TY CP VẬT TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI	496.150.173
21	CÔNG TY TNHH MTV TÂN LỢI	486.162.017
22	CÔNG TY CP VGHAU	3.006.380.372
23	CÔNG TY TNHH TM LONG HỒNG	354.820.611
24	CÔNG TY CP TÍCH HỢP HỆ THỐNG CTS	456.022.195
25	CÔNG TY TNHH PT CÔNG NGHỆ BTK	3.448.144
26	CÔNG TY TNHH TMDV TBĐ QUÝ DẦN	323.496.680
27	TỔNG CÔNG TY CP TBĐ VIỆT NAM	10.142.537.794
28	CÔNG TY CP CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HN	11.143.000
29	EMIC	337.333.588
30	CTY CP HỒNG THI	8.966.388
31	CÔNG TY CP BIỂN BẠC	199.140.000
32	CÔNG TY CP PHƯƠNG NAM VIỆT	33.910.800
33	CÁC KHOẢN CHI NHÁNH CHƯA QUYẾT TOÁN VỚI CÔNG TY	3.288.137.663
CỘNG		34.912.935.650
VĂN PHÒNG		
1	CÔNG TY CP SX THANH VÂN	20.089.526.417
2	CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC	6.861.254
3	CÔNG TY CP KHÍ CỤ ĐIỆN 1	176.660.000
4	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN-TỔNG CÔNG TY ĐIỆN	31.402.189.444



LỤC MIỀN BẮC		
5	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN BẮC (NPPMB)	12.998.779.922
6	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC-TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC	198.015.573
7	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN SƠN HÀ	126.968.621
8	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG	7.601.002.420
9	CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG THÁI	0
10	CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN XUÂN LAM SƠN	2.194.961.153
11	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN TRUNG	22.617.695.208
12	CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK	1.262.852.448
13	CÔNG TY ĐIỆN LỰC GIA LAI	1.790.540.697
14	CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG BÌNH	402.068.646
15	CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN GIANG	808.867.950
16	CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẠC LIÊU	289.142.064
17	CN TCTY XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TẠI MIỀN NAM	341.934.985
18	CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẾN TRE	1.536.422.030
19	CÔNG TY ĐIỆN LỰC CÀ MAU	12.409.045.286
20	CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ CẦN THƠ	435.916.800
21	CÔNG TY CP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI	28.828.109.288
22	CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẬU GIANG	76.951.380
23	CÔNG TY ĐIỆN LỰC LONG AN	1.208.610.920
24	CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM TNHH-CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÀI GÒN	11.331.495.396
25	CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM TNHH-CÔNG TY ĐIỆN LỰC GÒ VẤP	994.900.258
26	CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM TNHH-CÔNG TY ĐIỆN LỰC HỐC MÔN	2.232.917.115
27	CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM TNHH-CÔNG TY ĐIỆN LỰC GIA ĐỊNH	3.321.552.454
28	CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM TNHH- CTY ĐIỆN LỰC BÌNH CHÁNH	5.215.830.873
29	CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH-CÔNG TY ĐIỆN LỰC DUYÊN HẢI	437.657.000
30	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN QUANG	363.764.115
31	CTY CP KIM LOẠI MÀU & NHỰA ĐÔNG VIỆT	114.054.600
32	CTY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC - CÁP ĐIỆN THỊNH PHÁT	187.466.400



33	CÔNG TY TNHH TMSX DÂY VÀ CÁP ĐIỆN ĐẠI LONG	5.971.064.000
34	CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH THUẬN	3.823.959.304
35	CÔNG TY ĐIỆN LỰC LÂM ĐỒNG	214.119.425
36	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC	89.633.469.646
37	VIETNAM (CAMBODIA) ELECTRICAL EQUIPMENT JOINT STOCK CO.,LTD (GELEX CAMBODIA)	608.521.276
38	KHÁCH HÀNG KHÁC	20.022.859
	CỘNG	271.273.917.227
	TỔNG CỘNG	602.228.936.630

Nguồn: CADIVI

Bảng 20: Số dư các khoản trả trước người bán vào ngày 30/06/2013 bao gồm:

ĐVT: VNĐ

STT	DANH SÁCH NGƯỜI BÁN	SỐ DƯ
1	CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC	8.612.340
2	CÔNG TY TNHH VINA COMPOUND	1.789.623.000
3	CTY CP QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI	5.000.000
4	CÔNG TY CÁP ĐIỆN LỰC KEVIN VIỆT NAM	233.569.671
5	CÔNG TY CP ĐO LƯỜNG VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ	3.028.572
6	CTY TNHH QUẢNG CÁO ANH CƯỜNG	167.200.000
7	CTY TNHH DU LỊCH SINH THÁI VƯỜN XOÀI	139.431.600
8	CÔNG TY TNHH GIA NGUYỄN -A.P.T	22.000.000
9	CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CN & DÂN DỤNG(IDC0)	490.160.000
10	CÔNG TY TNHH HÀ MINH PHÁT	978.999.970
11	CÔNG TY TNHH DV-TM HANTRIVI	313.636.364
12	CÔNG TY TNHH MAY THÊU GIÀY AN PHƯỚC	856.482.000
13	CÔNG TY DỊCH VỤ DU LỊCH HOÀN MỸ	4.313.727.000
14	CTY TNHH TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM	144.374.738
15	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN	50.000.000
16	TT KT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3	23.100.000
17	CÔNG TY CP MỸ THUẬT ĐẸP VÀ LẠ	32.000.000
18	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ HOÀN CẦU	145.926.000
19	TRUNG TÂM KT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CL 2	35.028.000
20	CTY CP TM DV TRUYỀN THÔNG ÁNH DƯƠNG VIỆT	137.500.000
21	CÔNG TY TNHH PHÚ ANH	125.000.000



22	CÔNG TY CP TM DV VƯỜN SAU	27.296.475
23	CTY TNHH DV TM ĐẶNG NGUYỄN	177.000.000
24	CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC LẠC VIỆT	500.000
25	ASIANSTAR INDUSTRIAL GROUP LIMITED	2.479.056.026
26	TROESTER GMBH & CO. KG	117.744.192
27	RMM METALLHANDEL GMBH	4.110.231.529
28	ALSTOM GRID LTD.	113.954.850
29	POURTIER S.A.S	356.500.197
30	SUNLANE INTERNATIONAL CO.	2.285.320.959
31	CTY TNHH MTV VĂN TRÍ HIẾU	160.000.000
32	NGUYỄN THỊ DẬU	10.000.000
33	900 QUỐC LỘ 1A P. THẠNH XUÂN QUẬN 12 TP.HCM	312.000.000
34	679A NGUYỄN KIỂM P.3 Q.GÒ VẤP TPHCM	65.000.000
35	13, KHU H2, ĐƯỜNG DN8, P. TẬN HÙNG THUẬN, Q12	36.500.000
36	63/5 ẤP ĐÔNG 1 XÃ THỚI TAM THÔN, HUYỆN HÓC MÔN-TP.HCM	4.000.000
37	306 ĐIỆN BIÊN PHỦ P22 Q. BÌNH THẠNH TP.HCM	3.000.000
38	XN HƠI KỸ NGHỆ BIÊN HÒA	6.200.000
39	CTY CP XD TÀI LỘC (HÀ VĂN TIẾP)	80.000.000
40	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT S.I.S	15.800.000
41	CTY CP CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG TÂN TIẾN	17.500.000
42	CTY TNHH ATLAS COPCO VIỆT NAM - CN BÌNH DƯƠNG	128.000.000
TỔNG CỘNG		20.520.003.483

Nguồn: CADIVI

Các khoản phải trả**Bảng 21: Các khoản phải trả**

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Nợ ngắn hạn	847.986.192.618	1.113.339.524.352	1.187.197.270.678
Vay và nợ ngắn hạn	273.862.811.357	450.863.440.604	579.782.332.564
Phải trả cho người bán	222.702.118.082	260.890.522.747	274.888.614.900
Người mua trả trước	3.325.262.950	2.774.507.342	3.730.019.570
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.485.011.689	11.988.726.634	18.101.098.554
Phải trả công nhân viên	30.132.358.431	26.026.978.898	11.020.992.901



Chi phí phải trả	64.827.929.114	55.258.466.672	45.392.923.560
Phải trả phải nộp khác	212.549.400.038	297.702.732.364	241.479.495.825
Dự phòng phải trả ngắn hạn	13.097.775.399	1.482.126.819	1.482.126.819
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.003.525.558	6.352.022.272	11.319.665.985
Nợ dài hạn	47.729.783.543	58.022.039.422	58.042.104.082
Vay và nợ dài hạn	46.217.721.511	58.022.039.422	58.042.104.082
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.512.062.032	-	-
Tổng cộng	895.715.976.161	1.171.361.563.774	1.245.239.374.760

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC Quý II năm 2013

Bảng 22: Số dư phải trả người bán đến ngày 30/06/2013

DVT: VNĐ

STT	DANH SÁCH NGƯỜI BÁN	SỐ DƯ
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI - HK	2.088.499.531
2	CÔNG TY CP KHÍ CỤ ĐIỆN 1	997.645.000
3	TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VN	133.806.515.778
4	CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT LG VINA	5.013.250.000
5	CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 1 HÀ NỘI	3.388.729.418
6	CTY TNHH CHEMTECH	1.397.550.000
7	CTY TNHH MTV DÂY VÀ CÁP SACOM	22.681.285
8	DNTN THÁI AN	1.545.115.000
9	CÔNG TY DÂY ĐỒNG VN -CFT	22.028.037.566
10	CÔNG TY CP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI	12.860.215.885
11	CÔNG TY TNHH RESINOPLAST VN LTD.	899.910.000
12	CÔNG TY CP KINH DOANH VẬT TƯ THIBIDI	164.974.500
13	CTY TNHH NHỰA TEP	65.560.000
14	CÔNG TY TNHH BAO BÌ THẢO VIỆT	143.250.140
15	CTY TNHH TM ĐỨC BIÊN	575.300.510
16	CÔNG TY TNHH TM - SX LONG NGỌC PHÚ	320.937.374
17	CTY CP KIM LOẠI MÀU & NHỰA ĐỒNG VIỆT	55.548.089.999
18	CT TNHH MỘT THÀNH VIÊN VLĐ-DỤNG CỤ CƠ KHÍ TPHCM	110.026.400
19	CTY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC - CÁP ĐIỆN THỊNH PHÁT	4.648.703.399
20	CÔNG TY TNHH TMSX DÂY VÀ CÁP ĐIỆN ĐẠI LONG	10.172.093.231
21	CTY CP ĐẦU TƯ RÔBÔT	8.791.320.000



22	CÔNG TY TNHH NHỰA & HÓA CHẤT TPC VINA	6.388.800.000
23	SHANGHAI BYL EQUIPMENT CO., LTD.	298.267.799
24	GUANGDONG SILVER AGE SCI & TECH CO.	2.530.154.880
25	AVALONG TECHNOLOGY CO.,LTD.	67.651.200
26	CTY CP VLXD & CHẤT ĐÓT ĐN	153.477.000
27	CTY CP THIẾT BỊ CN T.S.B	76.098.000
28	CTY TNHH TM-DV TỈNH VIỆT	36.804.900
29	DNTN-SX NGỌC LAN	16.395.610
30	CTY TNHH TM CẨM HÀO	13.310.000
31	CTY TNHH TM&SX HẢI ĐỨC	2.200.000
32	CTY TNHH KỸ THUẬT VIỆT	37.314.902
33	CTY TNHH SỬ KỸ THUẬT MINH LONG 2	65.571.000
34	CTY TNHH THIẾT BỊ ĐÔNG LẠNH KUEN LING VIỆT NAM	83.523.000
35	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN RỒNG PHỤNG	9.015.050
36	CTY TNHH HÀ MINH PHÁT	6.270.000
37	CƠ SỞ IN NGUYỄN VĂN ĐỨC	1.400.000
38	CTY TNHH TM DV GAS CHÂU MINH PHONG	6.690.222
39	CHI NHÁNH SỐ 12-CTY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	24.827.500
40	CTY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT VMS	25.327.161
41	CTY TNHH SX VÀ TM THANH PHÁT	235.686.000
42	CTY TNHH TMSX & DV HÓA THỊNH	99.000.000
43	CTY TNHH KỸ THUẬT ĐẠT	14.889.160
44	CTY TNHH ITV CẤP NƯỚC ĐÔNG NAI	21.100.500
45	CTY TNHH MTV XD TÍN NGHĨA 1	86.436.000
TỔNG CỘNG		274.888.614.900

Nguồn: CADIVI

Bảng 23: Danh sách người mua trả tiền trước đến ngày 30/06/2013

ĐVT: VND

STT	DANH SÁCH KHÁCH HÀNG	Số dư
1	CHI NHÁNH MIỀN TRUNG-CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM	605.352.654
2	CÔNG TY TNHH TÂM TIÊN	36.355.644
3	CÔNG TY CP HỒ BƠI JD VIỆT NAM	54.000.000
4	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN NAM	2.091.840.206
5	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG SÀI GÒN	99.637.833



	TOURIST (SADECO)	
6	EM CONSTRUCTION & IMPORT EXPORT Co. Ltd.	266.850.158
7	RICE MILL ENGINEERING (CAMBODIA) Co. Ltd.	430.268.609
8	MYANMAR SOLAR RAYS CO.,LTD SOLAR RAYS ELECTRICAL TRADING	136.288.416
9	GEHR INDUSTRIES INC.	
10	CÔNG TY TNHH TM ĐẠI TÂN THÀNH - XN LB	1.120.000
11	XÍ NGHIỆP KINH DOANH VẬT TƯ - THIẾT BỊ	1.880.000
12	DNTN THƯƠNG MẠI TRUNG THÀNH	500.000
13	CTY TNHH TM DV PHƯƠNG ĐẠI	500.045
14	CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN HÙNG PHÁT	159.160
15	CTY CP KỸ NGHỆ TOÀN CẦU	5.266.845
	TỔNG CỘNG	3.730.019.570

Nguồn: CADIVI

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	6 tháng đầu năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,25	1,04	1,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,54	0,54	0,57
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	70,26	74,64	75,23
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	236,29	294,25	303,77
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,55	5,17	3,36
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,49	2,16	1,24
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,77	3,66	2,49
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	43,39	31,98	12,65
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	13,50	8,74	3,17
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,28	4,85	3,34
Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng/CP	7.886	5.932	2.047
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVS)	Đồng/CP	19.760	15.949	16.423



13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 25: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Hoa Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hoàng Nghĩa Đàn	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Lộc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
4	Ông Đoàn Hoài Thanh	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Quang Định	Thành viên HĐQT

Ông NGUYỄN HOA CƯỜNG – CHỦ TỊCH HĐQT

- Số chứng minh nhân dân: 011796281, cấp ngày 06/06/2007 tại Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/03/1961
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 30 Trần Quốc Toản- Quận Hoàn Kiếm- Hà Nội
- 10.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04-39726245
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ Chế tạo máy, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- + Từ 1/1985 đến 6/1991: Kỹ sư cơ khí- Phòng Công nghệ- Nhà máy Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- + Từ 6/1991 đến 8/1996: Phó phòng- Phòng Công nghệ- Nhà máy Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- + Từ 8/1996 đến 2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Liên doanh S.A.S- CTAMAD
- + Từ 2003 đến 2008: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Hà Nội
- + Từ 2006 đến 2009: Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Nhà nước 1 TV Chế tạo



- Điện cơ Hà Nội
- + Từ 2007 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD
 - + Từ 2008 đến 2011: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh vật tư THIBIDI
 - + Từ 2009 đến 2012: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khí cụ điện I.
 - + Từ 2009 đến 2011: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - + Từ 2011 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - + Từ 1/2010 đến nay: Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - + Từ 1/2007 đến 6/2010: Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
 - + Từ 7/2010 đến 11/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
 - + Từ 12/2010 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - + Từ 5/2012 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

+ Đại diện sở hữu : 9.277.661 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : không

+ Sở hữu cổ phần ở Công ty khác:

- Công ty cổ phần khí cụ điện I : 13.330 cp

- Công ty cổ phần kinh doanh vật tư THIBIDI : 240.000 cp

- Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội : 200.000 cp

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Ông HOÀNG NGHĨA ĐÀN – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

▪ Số chứng minh nhân dân: 020263400

▪ Cấp ngày 30/06/1999

▪ Nơi cấp: CA TP.HCM

▪ Giới tính: Nam



- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1952
- Nơi sinh: Nam Đàn –Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 78 Nguyễn Thái Sơn, P.3, Q Gò Vấp, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.38299443
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Vật lý

Quá trình công tác

- + Từ 1970 đến 1981: Bộ đội, chuyên ngành học Đại học Tổng hợp TP. HCM
- + Từ 1981 đến 1987: Cử nhân Vật lý – XN Thành Mỹ, trực thuộc CADIVI
- + Từ 1987 đến 1995: Phó Giám đốc XN Thành Mỹ, CADIVI
- + Từ 1995 đến 2000: Giám đốc XN Thành Mỹ, CADIVI
Phó Giám đốc Công ty Dây và Cáp điện Việt Nam – CADIVI
- + Từ 2000 đến 2001:
- + Từ 2001 đến 2005: Giám đốc Công ty Dây và Cáp điện Việt Nam – CADIVI
Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên Dây và Cáp điện Việt Nam - CADIVI; Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam.
- + Từ 2005 đến 2007: Chủ tịch HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt nam – CADIVI
- + Từ 2007 đến 04/2012: Phó chủ tịch HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 04/2012 đến nay: Tổng giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam - CADIVI
- + Từ 2007 đến 08/2012: Chủ tịch Hội Dây Cáp điện Thành phố Hồ Chí Minh
- + Từ 2002 đến 3/2013: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dây Cáp điện Việt Thái – VITHAICO
- + Từ 2005 đến nay:

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Dây Cáp điện Việt Thái – VITHAICO
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

- + Đại diện sở hữu: 0
- + Cá nhân sở hữu: 168.000 cổ phần chiếm 0,67%
- + Sở hữu cổ phần ở Công ty khác:
 - CJC: 32.600 cp
 - SSI: 27.600 cp
 - PVX: 50.000 cp
 - BTH: 4.500 cp
 - VITHAICO: 73.000 cp



- VICOSIMEX: 45.000 cp	: 13.520 chiếm 0,05%
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: không
Hành vi vi phạm pháp luật	: không
Các khoản nợ đối với Công ty	: không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: không

Ông NGUYỄN LỘC - TV HĐQT

- Số CMND: 023000733
- Ngày cấp: 03/06/2007
- Nơi cấp: CA Tp Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/02/1960
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 292 Cao Đạt, P.1, Q.5, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-38299443
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hóa, Cử nhân Tiếng Anh

Quá trình công tác

- + Từ 1980 đến 1983: Bộ đội
- + Từ 1983 đến 1986: Chuyên ngành về XN Thành Mỹ thuộc CADIVI
- + Từ 1986 đến 1995: Phó Trưởng Ngành, Trưởng Ngành- Xí nghiệp Thành Mỹ
- + Từ 1995 đến 1998: Trưởng phòng Kỹ thuật- Cơ điện Xí nghiệp Thành Mỹ
- + Từ 1998 đến 1999: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Dây và Cáp điện VN
- + Từ 1999 đến 1999: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Dây và Cáp điện VN
- + Từ 1999 đến 2001: Phó Giám đốc Xí nghiệp Việt Thái
- + Từ 2001 đến 2002: Phó Trưởng phòng TMSX Công ty Dây và Cáp điện VN
- + Từ 2002 đến 2006: Trưởng phòng TMSX- Công ty Dây và Cáp điện VN UV HĐQT, TP TMSX Công ty TNHH 1 TV Dây và cáp điện VN.
- + Từ 2005 đến 2007: UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 2007 đến 8/2012: UV HĐQT Tổng giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt nam
- + Từ 9/2012 đến nay: Chủ tịch Hội dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 3/2013 đến nay:



Chức vụ công tác hiện nay: UV HĐQT, Tổng giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- UV HĐQT Công ty dây đồng Việt Nam – CFT
- Phó chủ tịch HĐQT CTCP Công nghệ cao
- Thành viên Ban chấp hành hiệp hội chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu Việt Nam
- Chủ tịch Hội dây cáp điện Tp.Hồ Chí Minh

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

- + Đại diện sở hữu: 4.000.000 cp
- + Cá nhân sở hữu: 23.013 cổ phần chiếm 0,09%
- + Sở hữu cổ phần ở Công ty khác: VITHAICO: 28.940 cp

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : 105,500 cổ phần chiếm 0,4%

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Ông ĐOÀN HOÀI THANH – TV HĐQT

- Số CMND: 022157694
- Ngày cấp: 20/10/2011
- Nơi cấp: CA Tp Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/09/1956
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 359-361 Nguyễn Thiện Thuật, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-38299443
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- + Từ 1981 đến 1987: Cán bộ phòng XDCCB của Công ty.
- + Từ 1987 đến 2000: Lần lượt giữ các chức vụ: Phó phòng XDCCB, Phó phòng Kỹ thuật, Phó văn phòng Công ty Dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 2000 đến 2009: Lần lượt giữ các chức vụ: Chánh văn phòng, trưởng phòng nhân sự, hành chính Công ty Dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 2009 đến nay: Phó chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam, Giám đốc nhân sự Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam.
- + Từ 2010 đến nay: Bí thư Đảng ủy Công ty.



+ Từ 2012 đến nay:

TV HĐQT, Chủ tịch Công đoàn CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc nhân sự

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Phó chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty CP thiết bị điện Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

+ Đại diện sở hữu: 2.700.000 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 16.770 cổ phần chiếm 0,07%

+ Sở hữu cổ phần ở Công ty khác: 10.000 cp CTCP Dây cáp điện Việt Thái.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Ông LÊ QUANG ĐỊNH – TV. HĐQT

- Số CMND: 021560874
- Cấp ngày 24/7/2001
- Nơi cấp: CA Tp.Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/10/1964
- Nơi sinh: Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 39 Trần Quang Diệu, P.14, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0908002207
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

+ Từ 10/1987 đến 2003:

Cán bộ kỹ thuật phòng KTCD- Công ty CADIVI

+ Từ 2003 đến 2007:

Phó trưởng phòng KTCD – Công ty CADIVI

+ Từ 01/2008 đến 10/2008:

Phó giám đốc xí nghiệp Long Biên (KCN Biên Hòa)

+ Từ 10/2008 đến 04/2011:

Giám đốc xí nghiệp Long Biên

+ Từ 04/2011 đến 08/2012:

Phó tổng giám đốc kiêm giám đốc xí nghiệp Long Biên

+ Từ 8/2012 đến nay:

Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần dây cáp điện Việt

+ Từ 04/2013 đến nay

TV HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay

: Phó tổng giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam



TV. Hội đồng quản trị

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

+ Đại diện sở hữu: 0

+ Cá nhân sở hữu: 32.630 cổ phần chiếm 0,13%

+ Sở hữu cổ phần ở Công ty khác: 16.000 cổ phần của CTCP dây cáp điện Việt Thái.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không



Bảng 26: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	BAN KIỂM SOÁT	Chức vụ
1	Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng BKS
2	Ông Dư Vĩnh Hồng Quân	TV BKS
3	Ông Ngô Quang Hùng	TV BKS

Ông PHẠM TUẤN ANH - Trưởng Ban kiểm soát

- Số CMND: 011828871
- Ngày cấp: 03/12/2001
- Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 12 Ngõ 810 Đê La Thành- Quận Ba Đình- Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913001133
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- + Từ 2/1999 đến 4/2003 : Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Điện cơ Hà Nội
- + Từ 5/2003 đến 8/2010: Phó phòng- Phòng Tài chính kế toán- Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- + Từ 9/2010 đến 10/2011: Phó phòng- Phòng Tài chính kế toán- Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- + Từ 11/2011 đến nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- + Từ 04/2012 đến nay Trưởng Ban kiểm soát CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :

- + Đại diện sở hữu : 0
- + Cá nhân sở hữu : 0
- + Sở hữu cổ phần ở Công ty khác : CTB 5000 cp

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không



Hành vi vi phạm pháp luật : không
Các khoản nợ đối với Công ty : không
Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Ông ĐU VĨNH HỒNG QUÂN – TV. Ban kiểm soát

- Số CMND: 022876347
- Ngày cấp: 08/9/2004
- Nơi cấp: CA Tp.Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/12/1976
- Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 457/41 Lê Văn Thọ P.9, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0908660665
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác:

+ Từ 7/1998 đến 8/2003 : Phòng TCKT Xí nghiệp Thành Mỹ
+ Từ 8/2003 đến 12/2007: Phó phòng TCKT Xí nghiệp Thành Mỹ
+ Từ 12/2007 đến 10/2008: Trưởng phòng TKNS XN Tân Á
+ Từ 10/2008 đến 03/2010: Phó giám đốc XN Tân Á
+ Từ 04/2010 đến 12/2012: Phó phòng TMSX CTCP Dây cáp điện Việt Nam
+ Từ 01/2011 đến nay Trưởng phòng Thương Mại CTCP Dây cáp điện Việt Nam
+ Từ 04/2009 đến nay TV.Ban kiểm soát CTCP Dây cáp điện Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay : TV. Ban kiểm soát, Trưởng phòng thương mại CTCP Dây cáp điện Việt Nam
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

- + Đại diện sở hữu: 0
- + Cá nhân sở hữu: 10.400 cổ phần chiếm 0,04%
- + Sở hữu cổ phần ở Công ty khác: 0

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: 0

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không
Hành vi vi phạm pháp luật : không
Các khoản nợ đối với Công ty : không
Lợi ích liên quan đối với Công ty : không



Ông NGÔ QUANG HÙNG – TV. Ban kiểm soát

- Số CMND: 023236869
- Cấp ngày 11/02/2011
- Nơi cấp: CA Tp. Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1959
- Nơi sinh: TP. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 03 đường số 3, quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0903702950
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán

Quá trình công tác:

- + Từ 1983 đến 1986: Nhân viên kế toán-XN Đồ Điện Thủ Đức.
 - + Từ 1986 đến 1990: Phó phòng kế toán-XN Đồ Điện Thủ Đức.
 - + Từ 1991 đến 1992: Phó phòng kế toán-XN Khí Cụ Điện 2.
 - + Từ 1993 đến 2009: Trưởng phòng kế toán nhân sự- XN Khí Cụ Điện 2.
 - + Từ 2009 đến 2010: Trưởng phòng nhân sự hành chính- XN Tân Á
 - + Từ 2010 đến nay: Phó giám đốc XN Tân Á
 - + Từ 2007 đến 2012: TV Ban kiểm soát Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay: TV Ban Kiểm Soát, Phó giám đốc xí nghiệp Tân Á - CTCP Dây cáp điện Việt Nam.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

- + Đại diện sở hữu: 0
- + Cá nhân sở hữu: 10.530 cổ phần chiếm 0,04%
- + Sở hữu cổ phần ở Công ty khác: 0

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không
Hành vi vi phạm pháp luật : không
Các khoản nợ đối với Công ty : không
Lợi ích liên quan đối với Công ty : không



Bảng 27: Danh sách Ban tổng giám đốc

STT	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Lộc	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Dung	Phó tổng giám đốc
3	Ông Lê Quang Định	Phó tổng giám đốc

Ông NGUYỄN LỘC – xem thông tin ở thành viên HĐQT

Ông NGUYỄN DUNG – Phó Tổng giám đốc

- Số CMND: 020708211
- Cấp ngày 29/7/2004
- Nơi cấp: CA Tp Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/8/1954
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 35-37 Phòng 7E, Bến Chương Dương, Quận 1, Tp Hồ chí Minh
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác:

- + Từ 1972 đến 1977: Học tại trường Đại học Khoa học Huế
- + Từ 1978 đến 1986: Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp Việt Thái, trực thuộc Công ty Dây Cáp điện Việt Nam
- + Từ 1987 đến 1991: Cán bộ kỹ thuật – Trung tâm nghiên cứu Boxit, Công ty Dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 1992 đến 1994: Cán bộ kỹ thuật – Phòng kỹ thuật Công ty Dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 1995 đến 2002: Trưởng phòng QLCL Công ty Dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 2002 đến 2007: Giám đốc xí nghiệp Long Biên – CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 2007 đến 2008: TV HĐQT, Giám đốc xí nghiệp Long Biên, CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- + Từ 2008 đến nay: Phó tổng giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam



Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

- + Đại diện sở hữu: 0
- + Cá nhân sở hữu: 45.500 cổ phần chiếm 0,18%
- + Sở hữu cổ phần ở Công ty khác: 0

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: 20.800 cổ phần chiếm 0,08%

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Ông LÊ QUANG ĐỊNH – xem thông tin ở TV.HDQT

Ông VÔ HỮU LUYỆN – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Số CMND: 271339942
- Cấp ngày 09/01/1995
- Nơi cấp: CA Tỉnh Đồng Nai
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1956
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 238/10/11 Hoàng Diệu 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-38212102
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- + Từ 1977 đến 1982: Giáo viên trường sơ cấp Kỹ thuật Không Quân
- + Từ 1982 đến 1986: Bộ đội chuyển ngành học trường Đại Học Kinh tế Tp.HCM
- + Từ 1987 đến 1996: Chuyên viên phòng KHVT và phòng KTTC, XN Thành Mỹ
- + Từ 1996 đến 2001: Trưởng phòng KTTC Xí nghiệp Thành Mỹ
- + Từ 2002 đến 2005: Kế toán trưởng Công ty Dây Cáp điện Việt Nam
- + Từ 2005 đến 2007: TV HDQT, Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty TNHH MTV Dây cáp điện Việt Nam



+ Từ 2007 đến nay: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT CTCP Dây cáp điện Việt Nam
 Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng CTCP Dây cáp điện Việt Nam
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 + Đại diện sở hữu: 0
 + Cá nhân sở hữu: 31.600 cổ phần, chiếm 0,13%
 + Sở hữu cổ phần ở Công ty khác:
 - CTCP Dây cáp điện Việt Thái VITHAICO: 15.000 CP
 - GELEX: 5.000 CP
 - CTG: 4.192 CP
 - STB: 5.986 CP
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : 36.140 cổ phần chiếm 0,14%
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không
 Hành vi vi phạm pháp luật : không
 Các khoản nợ đối với Công ty : không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

14. Tài sản

Bảng 28: Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đến ngày 30/06/2013

DVT: VND

Khoản mục	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Tài sản cố định hữu hình	473.552.124.798	205.117.323.900	43,31%
Nhà xưởng, vật kiến trúc	123.379.603.569	77.728.502.232	63,00%
Máy móc thiết bị	309.344.896.415	117.091.752.698	37,85%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	27.444.982.876	8.070.027.803	29,40%
Dụng cụ đo lường, thí nghiệm	10.163.321.608	1.156.405.353	11,38%
Dụng cụ quản lý	3.219.320.330	1.070.635.814	33,26%
Tài sản cố định vô hình	55.438.774.899	49.022.322.440	88,43%
Quyền sử dụng đất không thời hạn	3.125.000.000	3.125.000.000	100%
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50.991.285.959	45.702.356.440	89,63%
Phần mềm quản lý	1.124.776.940	-	-
Bản quyền sáng chế	197.712.000	194.966.000	98,61%

Nguồn: BCTC Quý II năm 2013



Bảng 29: Đất đai và bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty

STT	Tên Tài sản	Vị trí	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Mặt bằng 70 -72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Quận 1, TP.HCM	641	Mua quyền sử dụng đất, thời hạn 50 năm kể từ năm 2007
2	Mặt bằng KCN Tân Phú Trung - XN Tân Á	Huyện Củ Chi, TPHCM	30.432	Thuê đất dài hạn, trả tiền 1 lần, thời gian thuê đất đến 2054
3	Mặt bằng XN Long Biên	KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	20.420	Thuê đất dài hạn, trả tiền hàng năm, thời gian thuê đất đến 2051
4	Mặt bằng XN Thành Mỹ	KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	24.753,1	Thuê đất dài hạn, trả tiền hàng năm, thời gian thuê đất đến 2051
5	Mặt bằng Kho A	KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	19.920,9	Thuê đất dài hạn, trả tiền hàng năm, thời gian thuê đất đến 2051
6	Mặt bằng KCN Long Thành	KCN Long Thành, Đồng Nai	45.774	Thuê đất dài hạn, trả tiền 1 lần, thời gian thuê đất đến 2053
7	Mặt bằng đường 2-9 Đà Nẵng	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	250	Mua quyền sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất lâu dài
8	Mặt bằng đường số 21 KNC Hòa Cầm	KCN Hòa Cầm, Đà Nẵng	25.103	Thuê đất dài hạn, trả tiền 1 lần, thời gian thuê đất đến 2053

Nguồn: CADIVI

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 30: Chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2012	Năm 2013		Kế hoạch 2014	
			Kế hoạch	% Tăng giảm so với năm 2012	Kế hoạch	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.394.378	4.000.000	17,84%	4.200.000	5%
Lợi nhuận	Triệu đồng	166.541	170.005	2,08%	180.000	5,88%



trước thuế						
Tỷ lệ LNTT/DTT	%	4,91	4,25	-13,44%	4,29	0,94%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	249.599	288.000	15,39%	288.000	-
Tỷ lệ LNTT/VĐL	%	41,84	59,03%	41,09%	63%	6,73%
Cổ tức/VĐL	%	30	30	-	30	-

Nguồn: CADIVI

Căn cứ đề ra kế hoạch lợi nhuận, cổ tức:

Năng lực cạnh tranh của Công ty ngày một được tăng cao với đầy đủ nguồn lực về mọi mặt, Công ty không những giữ vững vị thế của mình trong đấu trường nội địa mà từng bước vươn rộng ra khu vực và thế giới:

✓ **Mô hình tổ chức, hệ thống quản lý** của Công ty đã từng bước được tinh gọn, chuyên môn hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

✓ Nguồn lực của Công ty:

Nguồn nhân lực: Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, có tâm huyết và nhiều kinh nghiệm. Công tác xây dựng đội ngũ luôn được coi trọng và nguồn nhân lực của Công ty ngày càng được củng cố, hoàn thiện.

Nguồn vốn: Mặc dù vốn điều lệ của Công ty thấp, đòi hỏi phải quay vòng vốn nhanh để đảm bảo hoạt động SXKD, nhưng với uy tín thương hiệu, với kết quả hoạt động SXKD tốt, với hệ thống kế toán tài chính minh bạch thì việc tiếp cận các nguồn vốn vay của Công ty là tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, Công ty cũng cần nghiên cứu để kết hợp hài hòa giữa nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu, đồng thời với kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 288 tỷ đồng, năng lực tài chính của Công ty sẽ được cải thiện và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

Trình độ kỹ thuật công nghệ: Xác định rõ “chất lượng sản phẩm là nền tảng của sự phát triển Công ty” nên CADIVI đã đầu tư kịp thời vào công tác phát triển kỹ thuật công nghệ nhằm rút ngắn công nghệ, hạ giá thành, đảm bảo cho ra những sản phẩm chất lượng, đáp ứng nhu cầu cao nhất của khách hàng.

Hệ thống phân phối sản phẩm: Với chiến lược xây dựng thị trường nền trong 10 năm qua, Công ty đã xây dựng được một hệ thống phân phối với gần 200 đại lý trải rộng khắp trên toàn quốc. Hệ thống phân phối này đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

✓ **Năng lực cạnh tranh của sản phẩm:** Sản phẩm của CADIVI luôn đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý, chủng loại đa dạng, thời hạn giao hàng nhanh chóng, kịp thời.



✓ **Vị thế, uy tín thương hiệu của CADIVI:** Vị thế, uy tín thương hiệu của CADIVI ngày càng được nâng cao, khẳng định là nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu Việt Nam, đặc biệt là tại khu vực miền Nam. Khi có nhu cầu về dây cáp điện, khách hàng luôn nhớ đến thương hiệu CADIVI đầu tiên.

✓ **Quy mô, năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty:** Hiện tại, Công ty có công suất sản xuất với 12.000 tấn đồng/năm, 5.000 tấn nhôm/năm, 6.000 tấn nhựa/năm... Chúng loại sản phẩm của Công ty phong phú, đa dạng từ cáp ngầm trung thế, cáp điện lực, cáp vận xoắn, dây dân dụng, dây điện tử, cáp điều khiển, dây ô tô, mô tô, dây điện tử... đến các loại khí cụ điện như ống luồn, công tắc, ổ cắm và các loại thiết bị điện khác.

✓ **Quan hệ hợp tác với doanh nghiệp khác cũng như các hiệp hội hữu quan:** CADIVI có quan hệ hợp tác tốt với các nhà cung cấp trong và ngoài nước, với các đối tác trong ngành cũng như các hiệp hội hữu quan trong nước và quốc tế.

Với những thế mạnh và năng lực cạnh tranh như cùng với những phân tích tiềm năng cũng như dự báo triển vọng có chút khởi sắc của tổng quan nền kinh tế, dự báo giá cả nguyên vật liệu không quá biến động trong thời gian tới, thì những kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của CADIVI khá thận trọng và có tính khả thi cao, phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành những nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam là doanh nghiệp có bề dày hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong phát sản xuất kinh doanh các mặt hàng thế mạnh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua cùng với dự báo về triển vọng phát triển ngành sản xuất dây và cáp điện trong những năm sắp tới, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong năm tới là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư.



17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức: Công ty dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch không quá 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành: không có
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán: không có



V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá : 10.000 VNĐ
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán : 3.840.008 cổ phần
4. Giá chào bán dự kiến : 15.000 đồng/cổ phần
5. Phương pháp tính giá

Giá chào bán dự kiến được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần P/E (gọi tắt là phương pháp so sánh P/E).
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu trên/ giá trị sổ sách mỗi cổ phần P/BV (gọi tắt là phương pháp P/BV)

a) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2012} &= \text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ} \\ &= 24.959.992 - 0 = 24.959.992 \text{ cổ phần} \end{aligned}$$

b) Giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu CADIVI tại thời điểm 31/12/2012 theo BCTC kiểm toán năm 2012:

Giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2012 (mệnh giá 10.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là: 249.599.920.000 VNĐ).

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Tài sản vô hình}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{398.086.215.680 - 0}{24.959.992} = 15.949 \text{ đồng/CP} \end{aligned}$$



❖ Một số chỉ tiêu cơ bản của những doanh nghiệp cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Bảng 31: Một số chỉ tiêu cơ bản của một số doanh nghiệp cùng ngành

STT	Tên doanh nghiệp	DVT	P/E	P/B
1	CTCT Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (TYA)	Lần	3,41	0,42
2	CTCP Cáp nhựa Vĩnh Khánh (VKC)	Lần	6,77	0,43
3	CTCP Ngô Han (NHW)	Lần	6,28	0,70
4	CTCP Đầu tư phát triển Sacom (SAM)	Lần	9,43	0,43
	Bình quân	Lần	6,47	0,52

Nguồn: Báo cáo tài chính 2012 các doanh nghiệp

❖ Phương pháp so sánh P/E

Phương pháp này dựa trên thu nhập kết quả kinh doanh năm 2012 của CADIVI và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các Công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Chỉ tiêu	DVT	Số liệu
Lợi nhuận sau thuế năm 2012 (a)	VNĐ	124.260.907.057
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành 31/12/2012(b)	cổ phiếu	20.947.284
Thu nhập trên 1 cổ phiếu trong 04 quý gần nhất (a/b)	VNĐ/cổ phiếu	5.932
Hệ số bình quân P/E của ngành	Lần	6,47
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E	VNĐ/cổ phiếu	38.380

❖ Phương pháp so sánh P/BV

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 31/12/2012 của CADIVI và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các Công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Chỉ tiêu	DVT	Số liệu
Giá trị sổ sách ngày 31/12/2012 (a)	Đồng	15.949
Hệ số bình quân P/BV của ngành (b)	Lần	0,52
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp P/BV(a*b)	VNĐ/cổ phiếu	8.293



❖ Kết luận

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp so sánh P/E	38.380	50%
Phương pháp so sánh P/BV	8.293	50%
Trung bình gia quyền	23.337	100%

Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu (như đã trình bày ở phần “Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu”) sau khi phát hành thêm, giá chào bán được đề nghị của cổ phiếu CADIVI là 15.000 VND.

6. Phương thức phân phối:

Các cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược sẽ đăng ký mua cổ phiếu và tham khảo Bản cáo bạch tại Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam – Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM.

7. Thời gian phân phối

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng, nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng có hiệu lực. Thời gian phân phối dự kiến Quý II, III/2013. Lịch trình phân phối cổ phiếu phát hành được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thực hiện
1	Nhận Giấy phép đăng ký chào bán cổ phiếu của UBCK	D	CADIVI, FPTSI
2	Công bố thông tin theo qui định	D đến D + 7	CADIVI, FPTSI
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.	D+1 đến D+8	CADIVI
4	Chuyển nhượng quyền mua (nếu có)	D+14 đến D+25	CADIVI, FPTSI
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu (tối thiểu 20 ngày làm việc)	D+14 đến D+36	NĐT
6	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược không đăng ký mua hết (nếu có)	D+40 đến D+50	CADIVI
7	Báo cáo kết quả phát hành	D+51 đến D+60	CADIVI



(Ghi chú: D được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.)

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Thời hạn

Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền: Kể từ ngày nhận được thông báo quyền mua, cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược đăng ký và nộp tiền mua trong thời hạn 30 ngày làm việc.

8.2. Số lượng

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 3.045.119 cổ phần với giá 15.000 đồng/cổ phiếu
Chào bán cho đối tác chiến lược: 794.889 cổ phần với giá 15.000 đồng/cổ phiếu

8.3. Phương thức thanh toán

Các cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản cho Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam theo tài khoản số 31010000105302 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.

8.4. Chuyển giao cổ phiếu

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải có trách nhiệm chuyển giao cổ phiếu cho người mua.

8.5. Quyền lợi người mua cổ phiếu

- Đối với cổ đông hiện hữu: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua sẽ được mua 1,22 cổ phần mới.

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần trong thời gian thực hiện quyền.

- Đối với đối tác chiến lược: nếu không thực hiện quyền mua cổ phiếu mới (794.889 cổ phần) thì không được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác.

8.6. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: 1 cổ phiếu

8.7. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn phương án thích hợp.

9. Phương thức thực hiện quyền



9.1. Điều kiện và thời gian thực hiện quyền

- Điều kiện thực hiện quyền: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua thì sẽ được mua 1,22 cổ phần mới.
- Đối tác chiến lược không thực hiện quyền mua cổ phiếu mới (794.889 cổ phần) thì không được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác.
- Thời gian thực hiện quyền: Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng.

9.2. Tỷ lệ thực hiện quyền, phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có)

Tỷ lệ thực hiện quyền 10:1,22. Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách sở hữu một cổ phiếu có 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua sẽ được mua 1,22 cổ phần mới.

*** Đối với cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh:**

+ **Đối với cổ đông hiện hữu:** Số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quản lý và phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với giá khởi điểm của đợt chào bán này.

Vi dụ: Cổ đông A sở hữu 99 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 10:1,22, cổ đông A được nhận thêm quyền mua thêm $99/10 \times 1,22 = 12,078$ cổ phần mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,078 cổ phần lẻ sẽ được ủy quyền cho HĐQT quyết định. Như vậy cổ đông A sẽ được mua 12 cổ phần mới.

+ **Đối với đối tác chiến lược:** nếu không chào bán hết sẽ ủy quyền cho HĐQT quản lý và phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với giá khởi điểm của đợt chào bán này.

9.3. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện được quyền mua cổ phiếu, các vấn đề có liên quan được ủy quyền cho HĐQT giải quyết.

9.4. Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phiếu
Đối với người sở hữu quyền mua là cổ đông hiện hữu: có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng



quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.
Đối với đối tác chiến lược: không thực hiện quyền mua cổ phiếu mới (794.889 cổ phần) thì không được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác.
Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu:

- Cổ đông hiện hữu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ quyền mua của mình
- Đối tác chiến lược không thực hiện quyền mua của mình thì tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (bổ sung) QĐ đối với các doanh nghiệp Niêm yết

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ban hành ngày 15/4/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, theo đó, cá nhân hay tổ chức nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

Các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại Công ty sẽ tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành. Số lượng cổ phiếu của Công ty do người nước ngoài nắm giữ tính đến thời điểm 30/06/2013 là 36.537 cổ phần chiếm 0,15% tổng vốn điều lệ.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Đối với cổ đông hiện hữu: số cổ phần phát hành trong đợt phát hành này là cổ phần phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng.

Đối với cổ đông chiến lược: Cổ phần phát hành trong đợt phát hành này là cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày phân phối.

12. Các loại thuế có liên quan

- Theo luật định thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Thuế Giá trị gia tăng: tùy từng mặt hàng cụ thể chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.
- Thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân và một số loại thuế khác tuân thủ luật thuế hiện hành.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

- Tên chủ tài khoản : Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
- Số tài khoản : 31010000105302
- Ngân hàng : TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam BIDV-Chi Nhánh TP Hồ Chí Minh
- Địa chỉ : 236 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh



VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán: đợt tăng vốn điều lệ từ 249.599.992.000 đồng lên 288.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.

2. Phương án khả thi

Sự cần thiết bổ sung vốn lưu động

Trên cơ sở đánh giá và phân tích năng lực cạnh tranh cũng như điểm yếu, điểm mạnh, thách thức và cơ hội của CADIVI, việc cân đối lại cơ cấu vốn nâng cao năng lực tài chính và tìm kiếm nguồn vốn hợp lý phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là thực sự cần thiết trong thời điểm hiện nay. Với kế hoạch kinh doanh đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 thì nguồn vốn tài trợ từ lợi nhuận giữ lại và khấu hao không đủ đáp ứng nhu cầu, do đó, để đạt được kế hoạch đề ra: Doanh thu thuần: 4.000 tỷ đồng, Lợi nhuận đạt 170 tỷ đồng đòi hỏi Công ty phải có nguồn vốn ổn định, không chịu gánh nặng lớn về chi phí tài chính. Bên cạnh đó, năng lực tài chính Công ty cần được cải thiện với sự kết hợp hài hòa giữa vốn vay và vốn chủ sở hữu. Do vậy, việc phát hành thêm cổ phiếu nhằm bổ sung thêm một phần nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của CADIVI thực sự đóng vai trò quan trọng. Cụ thể năm 2013, nhu cầu vốn của CADIVI là:

Nội dung	Số tiền (VNĐ)
Tổng doanh thu dự kiến	4.000.000.000.000
Tổng chi phí dự kiến	3.829.995.000.000
Lợi nhuận trước thuế dự kiến	170.005.000.000
Vòng quay vốn lưu động	2 vòng/năm
Tổng nhu cầu vốn lưu động	1.914.997.500.000
<i>Trong đó</i>	
<i>Nguồn tài trợ từ nguồn vốn vay + nguồn vốn chiếm dụng được + lợi nhuận phát sinh dự kiến năm 2013</i>	1.845.251.640.260
<i>Vốn tự có (*)</i>	12.145.739.740
<i>Vốn lưu động có thể huy động từ đợt tăng vốn</i>	57.600.120.000

(*): Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty chủ yếu sử dụng để tài trợ TSCĐ dài hạn. Trong năm 2013, Công ty có kế hoạch đầu tư thêm tài sản cố định, do đó, nguồn vốn tự có sử dụng để tài trợ vốn lưu động rất ít.

Kết luận về nhu cầu vốn:

Như phân tích như trên, để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý, nâng cao năng lực tài chính, Công ty dự kiến phải huy động thêm 57,6 tỷ đồng để tài trợ bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013.



VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Theo Tờ trình v/v điều chỉnh vốn điều lệ lên 288 tỷ đồng đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 thông qua ngày 17/4/2013, số vốn thu được dự kiến là 57.600.120.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty.

- **Kế hoạch sử dụng số tiền thu được:**
 - + Mục đích sử dụng : Bổ sung vốn lưu động
 - + Số tiền dự kiến thu được : 57.600.120.000 đồng
 - + Thời gian giải ngân dự kiến: trong năm 2013
- **Dự kiến số tiền thu được sẽ được sử dụng như sau:**

Thời gian	Số tiền	Mục đích sử dụng
Quý III, IV năm 2013	57.600.120.000 đồng	Toàn bộ sẽ được sử dụng mua nguyên vật liệu (đồng, nhôm, nhựa...)

2. Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn

Nguồn vốn huy động qua đợt chào bán tùy thuộc vào biến động của nền kinh tế và ngành sản xuất thiết bị điện nói chung, của thị trường chứng khoán nói riêng. Do vậy trong trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến phát hành, Hội đồng quản trị Công ty sẽ chủ động tự cân đối lại nguồn vốn sao cho hợp lý hoặc đưa ra một phương án xử lý thích hợp.



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức phát hành

Tên Công ty	Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
Trụ sở chính	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa-Phường Nguyễn Thái Bình-Q1-Tp.HCM
Điện thoại	(84.8) 38299443 – 38292971
Fax	(84.8) 38299437
Website	www.CADIVI.com.vn và www.CADIVI-vn.com

2. Tổ chức kiểm toán

Tên Công ty	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS)
Trụ sở chính	29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	(84.8) 3820 5944 – 3820 5947
Fax	(84.8) 3820 5942
Website	www.aascs.com.vn

3. Tổ chức tư vấn

Tên Công ty	Công ty cổ phần chứng khoán FPT
Trụ sở chính	71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	(84.7) 377307070 – 6271 7171
Fax	(84.4) 3773 9058
Website	www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ	29-31 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	(84.8) 6290 8686
Fax	(84.8) 62910560



Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán:

Đợt phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 288 tỷ đồng sẽ giúp CADIVI có cơ cấu vốn hợp lý hơn, tăng cường năng lực tài chính cũng như năng lực cạnh tranh của Công ty trước các đối thủ cạnh tranh.

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng làm vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của CADIVI. Trong bối cảnh nền kinh tế đang có dấu hiệu khả quan, định hướng đầu tư nâng cao thiết bị công nghệ, tăng cường công tác quản lý chất lượng sản xuất, chú trọng phát triển nguồn nhân lực về mọi mặt của Công ty hoàn toàn phù hợp với xu hướng chung của nền kinh tế và định hướng phát triển cũng như tầm nhìn trở thành nhà cung cấp thiết bị điện hàng đầu khu vực Đông Nam Á của CADIVI.

Bên cạnh đó, đối tượng của đợt chào bán là cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược của Công ty nên người được quyền mua cổ phiếu hiểu rất rõ về định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như Ban lãnh đạo Công ty. Vì vậy, rủi ro của đợt chào bán được đánh giá là rất thấp. Nếu không có các diễn tiến bất thường xảy ra gây ảnh hưởng đến đợt phát hành thì khả năng thành công của kế hoạch chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược của Công ty này khá cao.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc và lý thuyết tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được báo cáo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TÒ
CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN**

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN HOA CƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG


NGUYỄN LỘC
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT


VÕ HỮU LUYỆN


PHẠM TUẤN ANH

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 21 / /2013



TỔ CHỨC TƯ VẤN

CTCP CHỨNG KHOÁN FPT CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC *N.V*



NGUYỄN VĂN TRUNG

X. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II : Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
3. Phụ lục III : Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán
4. Phụ lục IV : Bản gốc BCTC Quý I 2013
5. Phụ lục V : Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch
6. Các phụ lục khác



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM.
 Tel: (84.8) 3829 9443 - 3829 2971 - 3829 2972.
 Fax: (84.8) 3829 9437. Email: cadivi@cadivi.com.vn

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

STT	Nội dung
1	Bản cáo bạch
2	Giấy đăng ký chào bán
3	Điều lệ Công ty
4	Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành (có kèm theo Phương án)
5	Nghị Quyết HĐQT thông qua phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán
6	Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2013
7	Biên bản kiểm phiếu ĐHĐCĐ thường niên 2013
8	Quyết Định của HĐQT thông qua hồ sơ đăng ký phát hành
9	Hợp đồng tư vấn hồ sơ phát hành
10	Báo cáo tăng vốn và các tài liệu liên quan: <i>Tài liệu chấp thuận của UBCK về việc phát hành</i> <i>Nghị quyết ĐHCĐ bất thường 2008</i> <i>Báo cáo kết quả phát hành cho CBCNV</i> <i>Báo cáo kết quả phát hành ra công chúng</i> <i>Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2012</i> <i>Báo cáo kết quả phát hành (phát hành cổ phiếu trả cổ tức)</i> <i>Thông báo của UBCK về việc nhận hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011</i>
11	Báo cáo tình hình mua bán Cổ phiếu quỹ và các tài liệu liên quan: <i>Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động</i> <i>Nghị quyết HĐQT v/v bán CPQ</i> <i>Thông báo</i> <i>Báo cáo kết quả</i>
12	Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT, BTGD, BKS, KTT
13	Báo cáo tài chính (BCTC) <i>BCTC Quý II - 2013</i> <i>BCTC Kiểm toán 2011, 2012</i>
14	Giấy chứng nhận ĐKKD <i>Lần mới nhất</i> <i>Lần đầu và các lần thay đổi</i>
15	Thông tin về người có liên quan HĐQT, BTGD, BKS, KTT
16	Cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước
17	Giấy Ủy quyền của FPTS
18	Công văn giải trình số 2266/CV-TCKT
19	Công văn giải trình số 2259/CV-TCKT
20	Văn bản số 2125/QĐ-TCT
21	Giấy uỷ quyền số 2263/UQ-NSHC
22	Công văn giải trình số 2548/CV-TCKT

Công ty tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - CN TP.HCM
 Chuyên viên : Trang Thùy Nhung
 Điện thoại : 0977 499 903 Email: nhungtt@fpts.com.vn